

SUC
CES

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỲ

Trụ sở chính

Địa chỉ: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84.8 3790 7565 | Fax: +84.8 3790 7566

Chi nhánh

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: +84.66 389 9537 | Fax: +84.66 389 9536

Văn phòng đại diện

Địa chỉ: 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2021 | Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỳ



2021
**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

giảm
carbon footprint
chống
biến đổi khí hậu

NỘI DUNG

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GRI 100	THÔNG điệp CỦA TGD	07
	THÔNG TIN CƠ BẢN	12
	TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2021	14
	TẦM NHÌN – SỨ MẠNG	22
	GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY	23
	CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK	23
	CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	24
	THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO	30
	GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH	31
	SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC	32
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2018 – 2023	40
	VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	43
	HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT	
	BAN ĐIỀU HÀNH	44
	BAN KIỂM SOÁT	46
	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	47
	BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	50
	CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY	57
	NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	57
	CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY	58
	NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN	59
	THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN	
	GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN	

	CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU	64
	DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU	67
	ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025	68
	DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU	76
	HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
	ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA	76
HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	GRI 200	
	HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 2021	80
	SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG	85
	TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP	86
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢM KHÍ THẢI NHÀ KÍNH	GRI 300	
	VẬT LIỆU	92
	NĂNG LƯỢNG	98
	NGUỒN NƯỚC	94
	PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH	100
	PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM – TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG	106
PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC	GRI 400	
	VIỆC LÀM	112
	AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP PHÒNG CHỐNG COVID-19	125
	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	119
	CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	130
	AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG	128
	VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG	133
	QUY CHUẨN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	133
	DỰ ÁN XANH TẠI SỢI THỂ KỲ	134
	BẢNG TUÂN THỦ GRI	138



Giải thưởng Phát triển bền vững STK đạt được trong 2021



ARA 2020 - 2021

Đạt **giải nhì** doanh nghiệp niêm yết có BCPTBV tốt nhất 2021, trong 5 năm liên tục từ 2017-2021 BCPTBV luôn đạt top 10 báo cáo chất lượng tốt nhất thị trường. Ngoài ra, báo cáo thường niên cũng đạt giải **top 10** doanh nghiệp có báo cáo TN nhóm Mid cap tốt nhất 2021.



CSI 100

Top 100 doanh nghiệp PTBV trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam năm 2021, 6 năm liên tục trong top 100 Doanh nghiệp PTBV của VN giai đoạn 2016-2021.



THÔNG DIỆP **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** (GRI 102-14)

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Năm 2021 khép lại với nhiều khó khăn, thử thách và thiệt hại để lại do dịch Covid 19 gây ra nhưng khủng hoảng không làm chúng ta gục ngã. Trái lại, với sự kiên trì và nỗ lực hết mình, cộng đồng đã cùng nhau chung tay vượt qua đại dịch, để rồi từng bước khôi phục và tiếp tục phát triển.

Sự phục hồi của ngành dệt may toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng trong quý 4 -2021 minh chứng cho điều này. Sau khi doanh thu bị ảnh hưởng trong các tháng 8,9,10,11 và 12 do tác động từ đợt bùng phát dịch lần thứ 4 tại các tỉnh phía nam Tp.HCM và việc áp dụng giãn cách xã hội, các doanh nghiệp nội địa đã dần đưa công suất hoạt động trở lại mức trước dịch. Đồng thời, chỉ số tiêu dùng tại các thị trường Mỹ, EU, Nhật bản... đều tăng mạnh trở lại, góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ của ngành hàng dệt may. Bên cạnh đó các thương hiệu thời trang hàng đầu như Nike, Adidas, H&M, Inditex, v.v. cũng gia tăng sự phát triển của kênh thương mại điện tử, kiện toàn chuỗi cung ứng và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng để duy trì khả năng tăng trưởng bền vững.

Trong bối cảnh thị trường bị ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid và chuỗi cung ứng bị gián đoạn, STK đã không ngừng kiện toàn hoạt động sản xuất, nhằm hạ giá thành trong khi vẫn duy trì chất lượng sản phẩm vượt trội và khả năng cung ứng đơn hàng nhanh. Ngoài ra, công ty tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, mở rộng mạng lưới khách hàng, thị trường mới và đặc biệt là chủ động tiếp cận các nhãn hàng lớn để trở thành nhà cung ứng đáng tin cậy trong chuỗi cung ứng của họ. STK đã tích cực thúc đẩy bán sản phẩm sợi tái chế. Năm 2021, Công ty tăng tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu lên đến 50%, thông qua đó Công ty đã gián tiếp tái chế 3,04 tỷ chai nhựa đã qua sử dụng, góp phần giảm rác thải nhựa trên Trái Đất, giảm carbonfootprint và chống biến đổi khí hậu.



ĐẶNG TRIỆU HOÀ
Tổng Giám đốc

Năm 2022, mặc dù thị trường vẫn sẽ chưa phục hồi hoàn toàn, chúng tôi vẫn tin tưởng vào triển vọng tăng trưởng của ngành dệt may Việt Nam nói chung và của STK nói riêng nhờ vào tốc độ bao phủ vắc-xin ở Việt Nam cũng như trên thế giới đang tăng nhanh chóng giúp chỉ số tiêu dùng tại các thị trường chính như Mỹ, EU...đang tăng mạnh trở lại; Việt Nam vẫn tiếp tục là một trong những điểm đến của các nhà nhập khẩu, hãng bán lẻ nhờ vào xu hướng dịch chuyển nguồn cung ứng dệt may thế giới dần ra khỏi Trung Quốc; thuận lợi có từ yêu cầu về quy tắc xuất xứ dựa trên các hiệp định thương mại đã ký EVFTA, CPTPP, hiệp định RCEP, UKVFTA cũng góp phần thúc đẩy các đơn hàng dệt may sẽ tiếp tục tăng chuyển dịch vào Việt Nam. Với bối cảnh thị trường đó, STK sẽ tiếp tục tập trung vào chiến lược sản phẩm và lấy khách hàng làm trọng tâm, tận dụng cơ hội để mở rộng mạng lưới khách hàng, đa dạng hoá sản phẩm với các tính năng khác nhau, hoàn thiện chuỗi cung ứng nguyên liệu-thành phẩm, nhằm đạt được những thắng lợi mới trong năm 2022.

Với việc triển khai các dự án mở rộng công suất như nhà máy Unitex và Liên minh sợi-dệt-may trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu sợi đang tăng lên của các khách hàng hiện hữu. STK cũng sẽ tiếp tục tăng tỷ trọng sợi tái chế trong tổng doanh thu và triển khai các dự án điện mặt trời áp mái để đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường của các thương hiệu lớn và người tiêu dùng cuối cùng. Công ty cũng rất kiên định trong việc thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc sản xuất và tiêu thụ bền vững.

Chúng tôi mong rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự ủng hộ của cổ đông, Công ty sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra và mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ

Được thành lập vào năm 2000 dưới hình thức công ty TNHH, Century Corp chuyên sản xuất sợi tổng hợp (POY, FDY và DTY). Vào năm 2005, Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần với mục đích tạo nguồn vốn để phát triển mở rộng trong tương lai. Ngày 30/09/2015, Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã cổ phiếu STK. STK là một trong những nhà sản xuất sợi lớn nhất Việt Nam với công suất trên 60 nghìn tấn sợi hàng năm. Chiến lược phát triển là các sản phẩm cao cấp, đặc biệt là các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế và sợi màu. STK cân bằng tỷ trọng đóng góp doanh thu của thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa khoảng 50%: 50%. Sợi tái chế (được làm từ recycled polyester chip từ chai nhựa cũ tái chế) là động lực chính của STK do nhu cầu lớn đến từ sản phẩm sợi thân thiện với môi trường của thị trường. Mục tiêu đến năm 2025, STK sẽ tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 100% trong tổng doanh thu của các nhà máy hiện hữu.

NHỮNG NỖ LỰC CỦA SỢI THẾ KỶ TRONG CHẶNG ĐƯỜNG 20 NĂM PTBV (2000-2021)

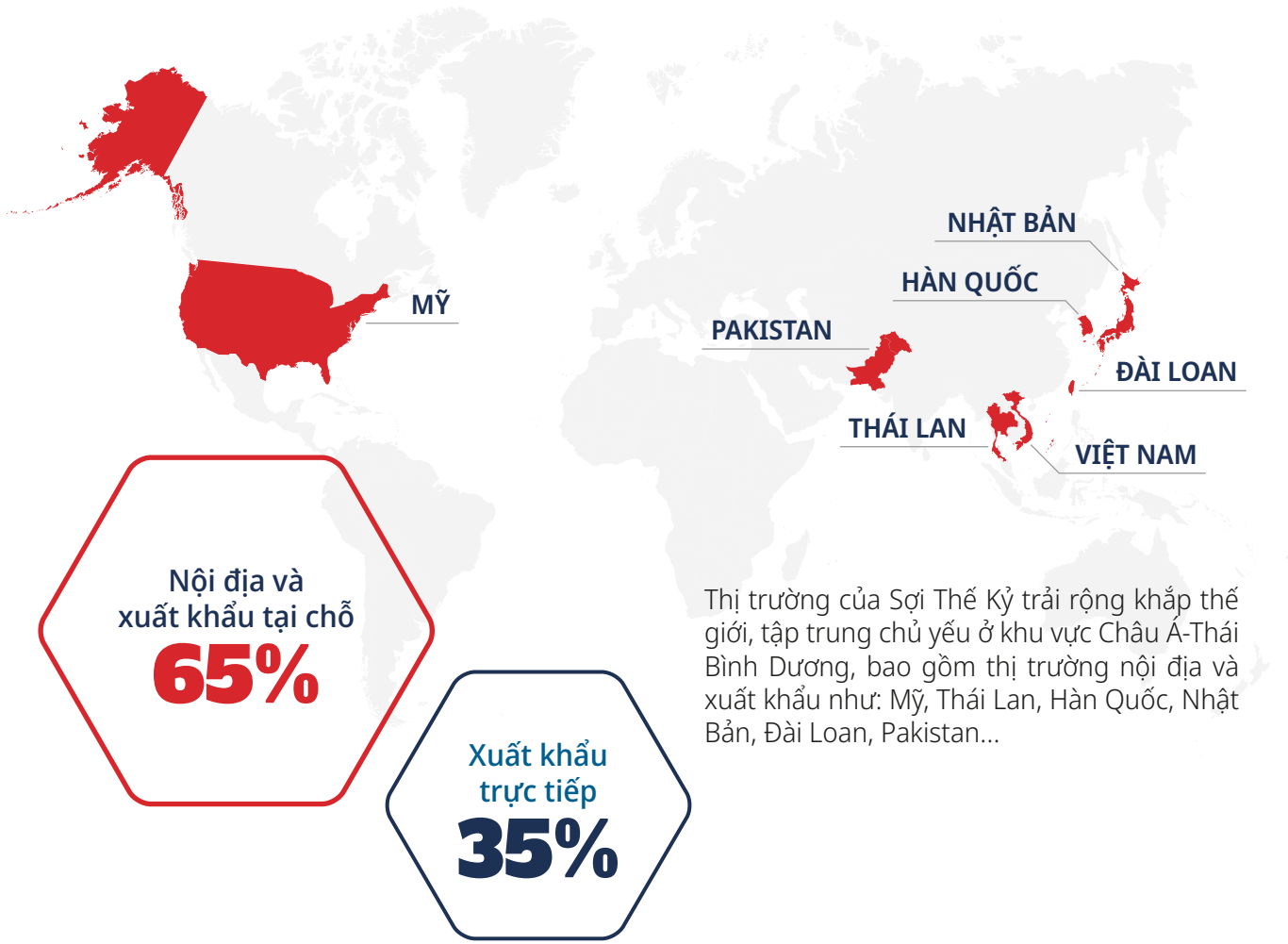
- > Giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (Solar) với công suất 10,5 MWp;
- > Giảm lượng phát thải Carbon footprint trung bình hơn 10% qua các năm;
- > Tiết giảm sử dụng nguồn nước sạch;
- > Tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng vật liệu ống giấy, nước sinh hoạt trong sản xuất;
- > Tăng tỷ lệ sử dụng nguồn nguyên liệu tái chế, tăng tỷ trọng sợi Recycle trong tổng doanh thu lên hơn 50%;
- > Tăng thu nhập cho người lao động và phát triển giáo dục địa phương;
- > Mở rộng công suất và tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương;
- > Phát triển thêm các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi màu sử dụng công nghệ dope dyed, sợi Recycle với nhiều tính năng...nhằm bảo vệ môi trường;



Thông tin cơ bản

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (GRI 102-1)
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation (GRI 102-1)
Tên giao dịch	Century Corp.
Mã chứng khoán	STK (HSX)
Lĩnh vực kinh doanh	STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY và FDY. (GRI 102-2)
Hình thức pháp lý và quyền sở hữu	Công ty cổ phần (GRI 102-5)
Trụ sở chính	B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh (GRI 102-3)
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh (GRI 102-4)
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh (GRI 102-4)
Vốn điều lệ	707.269.440.000 đồng
Điện thoại	+84.028 3790 7565 +84.276 389 9536
Fax	84.8 3790 7566 / +84.66 389 9536
Email	csf@century.vn
Website	www.thekey.vn
Mã số doanh nghiệp	0302018927 (GRI 102-5)
Vốn chủ sở hữu (31/12/2021)	1.258 tỷ đồng

SỰ HIỆN DIỆN TOÀN CẦU (GRI 102-6)



QUY MÔ SẢN XUẤT (GRI 102-7)

- Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng, tổng diện tích là 68.000 m² và tổng số lao động hiện tại là 927 người. Tại thời điểm 31/12/2021, tổng công suất của Công ty là 63.300 tấn sợi DTY và FDY.
- 1 Dây chuyền tái chế sợi phế thành hạt nhựa tái chế (Recycled Chip) với công suất 1.500 tấn/năm.
- Dự kiến trong giai đoạn năm 2023-2025, công suất nhà máy sẽ tăng lên gấp đôi với các dự án Unitex (KCN Thành Thành Công) tập trung sản xuất và phát triển các loại sợi có giá trị gia tăng và chất lượng cao (với công suất 60.000 tấn sợi/năm), Liên minh Sợi-Dệt-May (Sóc Trăng) với công suất 20.000 tấn DTY/năm.

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững 2021

Chuỗi giá trị bền vững STK tạo ra
đến các bên liên quan

NGUỒN LỰC STK

Vốn chủ sở hữu	1.258 tỷ VND
Số lượng nhân viên	927 người
Tổng thời gian đào tạo	248.706 giờ
Chi phí đào tạo	769 triệu đồng
Vật liệu dầu tẩm sợi	1.343 tấn
Năng lượng	132.134 Mwh
Nước	215.050 m ³

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mô hình hoạt động 4Ms:

Nguồn nhân lực: Chú trọng chất lượng tuyển dụng, liên tục đào tạo chuyên môn, hoàn thiện chính sách nhân sự.

Máy móc: Đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại (tiết kiệm năng lượng, đảm bảo chất lượng).

Quản lý: Áp dụng các hệ thống quản lý hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ và hạ giá thành sản phẩm.

Nguyên vật liệu: Mua nguyên vật liệu chất lượng cao nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.

KẾT QUẢ GHI NHẬN

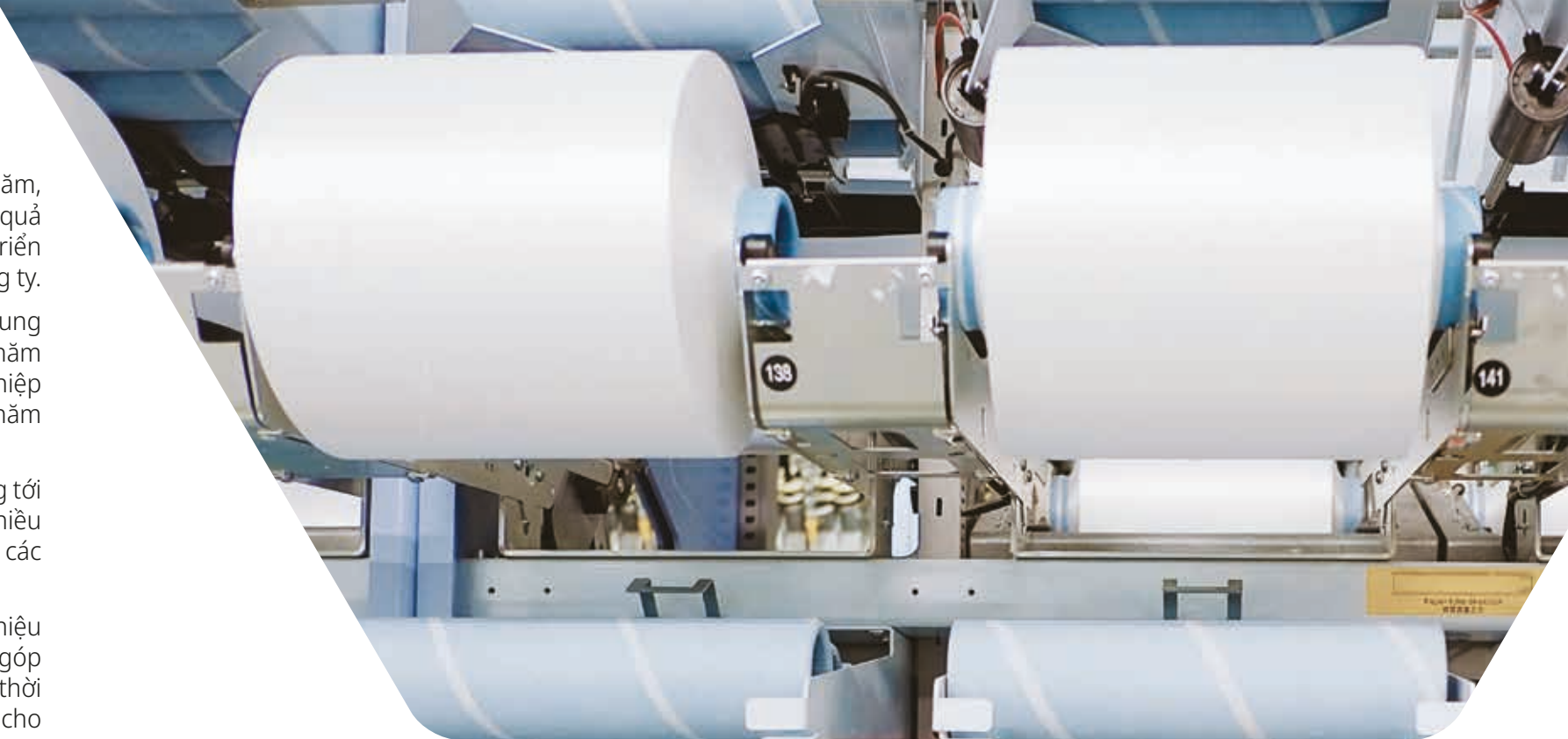
Doanh thu thuần	2043 tỷ VND
Lợi nhuận sau thuế	278,4 tỷ VND
Đóng góp thuế	116 tỷ VND
Số lượng chai nhựa góp phần tái chế 2016 - 2021	3,04 tỷ chai
Số vụ tai nạn lao động	0 vụ
Mức tăng lương bình quân	5%
Hệ số phát thải khí nhà kính điện năng (CO ²)	tăng 9% trên tổng lượng điện năng tiêu thụ

- Báo Cáo Phát Triển Bền Vững (“BCPTBV”) của STK được lập hàng năm, nhằm trình bày và công bố thông tin chính thức liên quan đến kết quả hoạt động cũng như đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong năm và trong thời gian tiếp theo của Công ty.
- Công ty lập BCPTBV riêng biệt với Báo Cáo Thường Niên, nhằm cung cấp bức tranh tổng thể về hoạt động của toàn Công ty Sợi Thế Kỷ năm 2021 cũng như đưa ra những mục tiêu, trách nhiệm của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong năm 2022 và tầm nhìn đến năm 2025 của Công ty.
- Thông qua việc chia sẻ các nội dung chiến lược phát triển bền vững tới các bên liên quan của Công ty, chúng tôi hy vọng sẽ nhận được nhiều đóng góp tích cực để tiếp tục rà soát và cải tiến những lĩnh vực mà các bên liên quan quan tâm.
- BCPTBV là một công cụ giúp Công ty có thể rà soát và đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững thực hiện trong năm, góp phần hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty kịp thời cập nhật những định hướng và chiến lược phát triển phù hợp nhất cho Công ty.

1. Phạm vi và ranh giới của báo cáo: Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của toàn CTCP Sợi Thế Kỷ.

2. Tuyên bố lập báo cáo theo tiêu chuẩn GRI: (GRI 102-54)

- > Công ty thực hiện lập báo cáo theo tiêu chuẩn mới nhất của GRI từ 2019 và tiếp tục duy trì trong năm 2021.
- > Tiêu chuẩn GRI được công nhận quốc tế từ Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) dưới dạng cốt lõi. Báo cáo cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại Cạnh tranh (CSRCEB) do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng báo cáo của các doanh nghiệp ở Việt Nam, giúp các doanh nghiệp như chúng tôi có thể tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
- > Nội dung của báo cáo xoay quanh 4 chủ đề trọng yếu: GRI 100 Thông tin chung; GRI 200 Vấn đề kinh tế; GRI 300 Vấn đề môi trường; GRI 400 Vấn đề xã hội.



3. Kỳ báo cáo: báo cáo được lập theo niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 (GRI 102-50)

4. Ngày báo cáo gần nhất: ngày 31/12/2020. (GRI 102-51)

5. Chất lượng báo cáo: Công ty cam kết cung cấp những thông tin và số liệu trong báo cáo một cách chính xác, rõ ràng, tin cậy và được cập nhật (xem thêm ở mục III.6.7).

6. Chỉ tiêu được Bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty đánh giá bao gồm:

- > Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm (GRI – 404);
- > Những hoạt động tham gia đóng góp vào Cộng đồng địa phương (GRI – 413);
- > Tỷ lệ mức lương bình quân của người lao động và lương tối thiểu vùng (GRI – 401);
- > Mức tiêu thụ năng lượng; (GRI – 302 và 305)
- > Mức tiêu thụ nước; (GRI – 303)

7. Chu kỳ báo cáo: 1 năm/lần

8. Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo:

Phòng Quan Hệ Cổ Đông – CTCP Sợi Thế Kỷ

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Chịu trách nhiệm nội dung: Nguyễn Phương Chi – Giám đốc chiến lược

Biên tập: Phạm Đăng Khoa – Chuyên viên IR

Email: ir@century.vn

Điện thoại: (+84.276) 388 7565 (máy lẻ: 113)

Mô hình kinh tế tuần hoàn hướng tới PTBV của STK

- TÁI CHẾ, TÁI SỬ DỤNG**
- > Tái sử dụng ống giấy POY trong sản xuất
 - > Tái sử dụng nước giải nhiệt, nước cấp trong sản xuất
 - > Tái chế sợi phế phẩm thành nguyên liệu PET chip
 - > Gián tiếp tái chế chai nước nhựa thông qua tăng tiêu thụ recycle PET chip

CUNG ỨNG VÀ PHÂN PHỐI

- > Xe nâng nội bộ chuyển đổi không sử dụng nguồn nhiên liệu Diesel
- > Luân chuyển việc sắp xếp xe giao hàng và các tuyến vận chuyển



NGUỒN LỰC STK

- > Sử dụng máy móc và công nghệ từ Đức (Oerlikon Barmag) thân thiện với môi trường (e-saving)
- > Đầu tư dự án mở rộng nhà máy
- > Sử dụng vật liệu (PET chip) recycle
- > Nguồn lao động giàu kinh nghiệm
- > Liên tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới thân thiện với môi trường.

SẢN XUẤT

- > Sản xuất hiệu quả, giảm tiêu hao nguồn năng lượng điện, nước
- > Giảm tỷ lệ phế phẩm bảo vệ môi trường
- > Tối ưu hóa sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất
- > Giảm phát thải khí nhà kính (CO₂)

NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN

- > Phát triển sản phẩm sợi recycle plus (nhiều tính năng) thân thiện môi trường
- > Phát triển sản phẩm sợi màu (dope dye) không sử dụng màu nhuộm/hóa chất và tiết kiệm tiêu thụ nước.
- > Triển khai hệ thống năng lượng mặt trời



QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY

1

Lập
kế hoạch
sản xuất

Nhập
nguyên
vật liệu

2

3

Sản xuất

Bán hàng
và tiêu thụ
sản phẩm

4

GIÁ TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TỪNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- › Thiết kế định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, nước cho 1 đơn vị sản phẩm.
- › Lập kế hoạch tái sử dụng vật liệu.
- › Xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện, nước và nhiên liệu sử dụng.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

- › Bố trí máy móc sản xuất hiệu quả.
- › Đảm bảo máy chạy ổn định, tránh ngưng máy, tiết kiệm chi phí.

PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

- › Đào tạo tay nghề, nâng cao kiến thức chuyên môn.
- › Bố trí nguồn nhân lực sản xuất ổn định.
- › Trang bị an toàn-lao động cho CBNV.
- › Sử dụng nguồn cung ứng nguyên vật liệu/lao động địa phương.

- › Đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng đáp ứng tiêu chí trách nhiệm môi trường, xã hội.
- › Nghiệm thu chất lượng và nguồn gốc của nguyên vật liệu.

- › Đàm phán giá hiệu quả.
- › Đảm bảo tỷ lệ hàng nhập không đạt chất lượng ở mức ít nhất.

- › Bồi dưỡng kiến thức cho nhân viên thu mua, cung ứng.
- › Sử dụng dịch vụ vận chuyển địa phương.

- › Tiết kiệm điện, nước sử dụng.
- › Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả.
- › Tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu sử dụng.

- › Giảm tỷ lệ hàng phế phẩm.
- › Máy móc được bảo trì định kỳ.
- › Nâng cao tỷ lệ chất lượng sản phẩm.
- › Phát triển sản phẩm mới có giá trị gia tăng.

- › Bố trí nguồn nhân sự phù hợp.
- › Tạo cơ hội thăng tiến trong công việc.
- › Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- › Xây dựng văn hóa ứng xử tốt.
- › Đảm bảo công bằng- bình đẳng.

- › Cung cấp hướng dẫn sử dụng sản phẩm.
- › Kết hợp kế hoạch vận chuyển hàng, tránh sử dụng nhiều xe.
- › Tái sử dụng pallet để giao hàng.

- › Linh hoạt trong chi phí xuất hàng.

- › Đào tạo nghiệp vụ bán hàng, xuất nhập khẩu.
- › Xây dựng chính sách thưởng khích lệ khi đạt KPIs.
- › Tăng thu nhập cho lao động địa phương.

Tầm nhìn - Sứ mạng của công ty

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK

"Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc".

Cột mốc hình thành và phát triển bền vững

2000

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại
Củ Chi.

Thành lập ngày 01/06/2000.

Sản phẩm chính: DTY

Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/ năm.

2005

Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược

Công ty TNHH Sợi Thế Kỷ chính thức được chuyển
đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ.

2003

Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất.

Tăng công suất sản xuất lên tương đương 9.600
tấn sợi DTY/ năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

2008

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất

Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên
14.500 tấn POY/ năm & 15.000 tấn DTY/ năm.

2011

Phát triển sản phẩm mới FDY

Mở rộng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/năm.

2014

Đón đầu xu hướng, nắm bắt cơ hội

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 3.

IPO thành công 3 triệu cổ phiếu.

2015

Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới Sợi tái chế.

Tổng công suất đạt khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.

2016

Bắt đầu sản xuất sợi tái chế

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.

2017

Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công

Nâng tổng công suất lên 63.300 tấn/năm.

2019

Kiên định thực hiện mục tiêu

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ.

Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế năm 2025 (đối với nhà máy hiện hữu ở Củ Chi và Trảng Bàng).

2020

Vượt qua khó khăn

Hoàn thành 98,2% mục tiêu doanh thu 2020.

Hoàn thành 109,9% mục tiêu lợi nhuận 2020.

Nâng tỷ lệ sợi recycle trên tổng doanh thu chiếm 44,7%.

2021

Phục hồi đà phát triển bền vững

Duy trì mục tiêu phát triển kinh tế, hoàn thành 87% doanh thu và 112% lợi nhuận kế hoạch 2021.

Mở rộng công suất thông qua dự án Unitex, Liên minh Sợi-Dệt-May

Thay đổi trong báo cáo (GRI 102-49)

Rút kinh nghiệm từ Báo cáo phát triển bền vững 2021, trong báo cáo lần này Công ty đã có một số cải tiến như sau:

- > Bổ sung thêm mục tiêu và định hướng giảm thải carbon footprint tại nhà máy;
- > Bổ sung thêm thông tin về dự án xanh tại nhà máy;
- > Bổ sung thêm thông tin trong việc đảm bảo bởi bên thứ ba cho các mục tiêu PTBV;
- > Bổ sung thông tin xây dựng chiến lược ptbv với sản phẩm bền vững;
- > Bổ sung thêm thông tin về mối quan tâm dịch bệnh Covid-19 của các bên liên quan;
- > Cập nhật số liệu về số lượng chai nhựa Công ty gián tiếp tái chế;
- > Cập nhật định hướng PTBV tới 2025;
- > Cập nhật hệ số phát thải điện năng và tính lại số liệu carbon footprint 2021;
- > Hoàn thiện và duy trì trách nhiệm giải trình theo tiêu chuẩn GRI-Standards;
- > Cập nhật bối cảnh PTBV thế giới và ngành;
- > Bổ sung cơ cấu quản trị PTBV tại Công ty;
- > Bổ sung chuỗi giá trị bền vững Công ty;



Giải thưởng và các danh hiệu được tôn vinh

CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

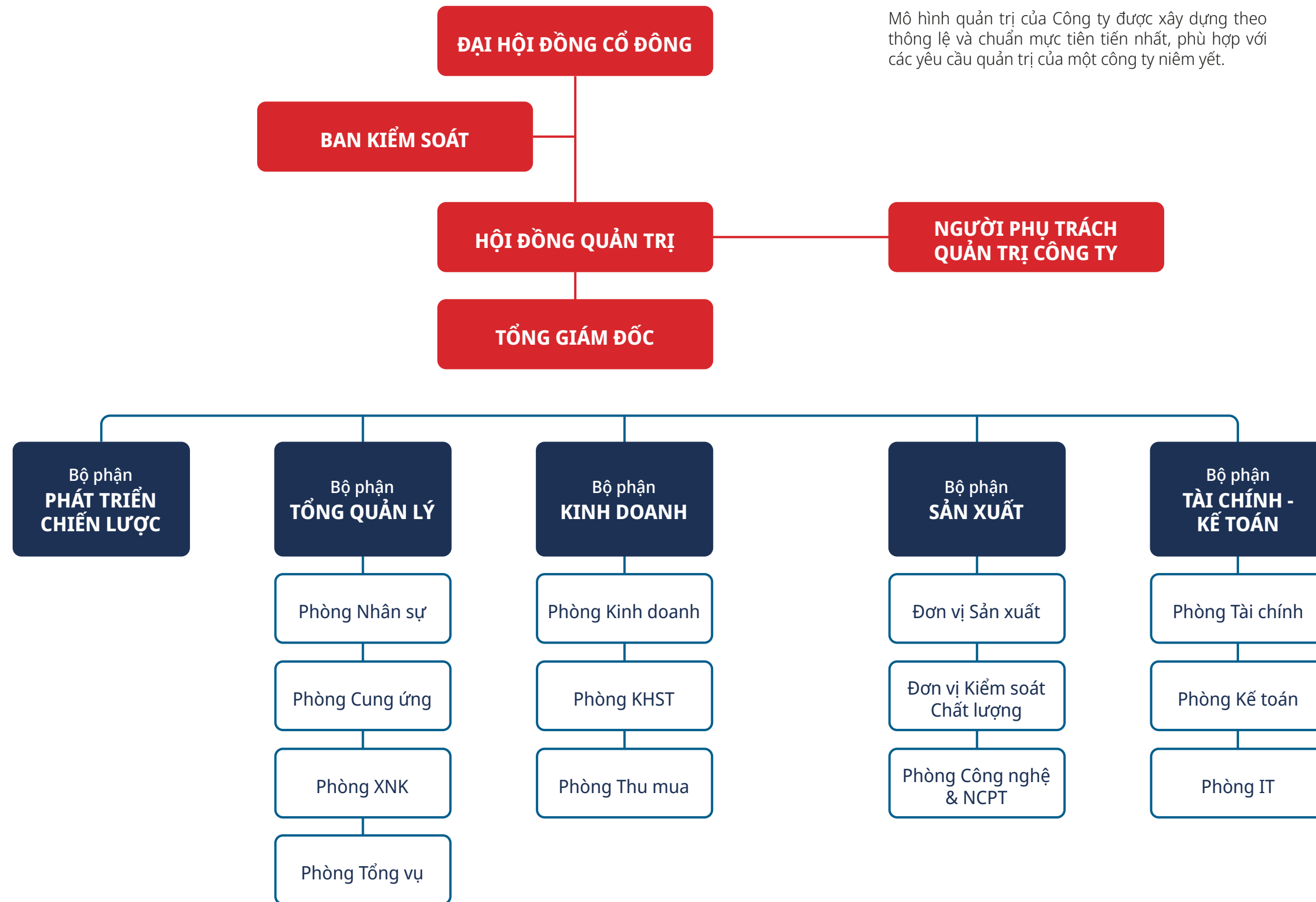
- | | |
|-------------|--|
| 2021 | <ul style="list-style-type: none"> > Giải nhì Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất thị trường trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 5 năm liên tiếp > Top 4 Báo cáo thường niên tốt nhất 2021 trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức > Thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2021 (CSI 100), 6 năm liên tiếp. Giải thưởng do Hội Đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát Triển Bền Vững (VBCSD¹) trao tặng. |
| 2020 | <ul style="list-style-type: none"> > Top 15 thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2020 (CSI 100), 5 năm liên tiếp. > Top 3 Báo cáo phát triển bền vững -Báo cáo đáng tin cậy nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 4 năm liên tiếp > Top 5 Báo cáo thường niên -Báo cáo quản trị tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức |
| 2019 | <ul style="list-style-type: none"> > Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2019 (CSI100) 4 năm liên tiếp. > Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hoá trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức > Top 10 Báo Cáo PTBV tốt nhất= |
| 2018 | <ul style="list-style-type: none"> > Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018 (CSI100) 3 năm liên tiếp. > Top 10 Báo Cáo PTBV > Top 90 Báo Cáo TN. |
| 2017 | <ul style="list-style-type: none"> > Top 500 công ty lớn nhất Việt Nam (VNR500): xếp hạng 361 trên Bảng Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. > Tổ chức trao giải: Việt Nam Report và báo Vietnamnet. > Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2017 (CSI100) > IR Award 2017 – Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin > Tổ chức trao giải: VAFE và CTCP Tài Việt (báo điện tử Vietstock). |

¹ VBCSD do VCCI Việt nam thành lập.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức

(GRI 102-18)

Mô hình quản trị của Công ty được xây dựng theo thông lệ và chuẩn mực tiên tiến nhất, phù hợp với các yêu cầu quản trị của một công ty niêm yết.



Cơ chế xây dựng chiến lược, lập kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả PTBV

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PTBV VỚI SẢN PHẨM BỀN VỮNG

MÔI TRƯỜNG

- > Áp dụng hệ thống tự động trong quá trình sản xuất
- > Sử dụng năng lượng tái tạo
- > Cải tiến công nghệ kỹ thuật nhằm cắt giảm tiêu hao
- > Tăng tỷ lệ tái chế và tái sử dụng nguyên vật liệu
- > Áp dụng sử dụng nước tuần hoàn

Sản phẩm thân thiện với môi trường

KINH TẾ

- > Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận
- > Phát triển sản phẩm
- > Phát triển thị trường

LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

- > Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan
- > Nâng cao năng lực nguồn lao động
- > Cải thiện môi trường làm việc



Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và góp phần đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan cũng như các cán cân PTBV, tại Sợi Thế Kỷ, trọng tâm chiến lược phát triển bền vững là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế. Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo vệ môi trường (giúp giảm khoảng 30% carbon footprint so với sản phẩm sợi nguyên sinh). Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (sản phẩm thay thế cho công đoạn nhuộm truyền thống, giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải và phát thải hóa chất ra môi trường) và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co giãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế. Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện, giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện nước, tái sử dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo. Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động.

TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN

PHÒNG NHÂN SỰ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ XÃ HỘI

- › Xây dựng định biên nhân sự, đáp ứng nguồn nhân lực cho toàn Công ty;
- › Thực hiện chấm công, tính lương và đảm bảo các chính sách phúc lợi cho người lao động;
- › Thực hiện đào tạo, đề bạt và bồi dưỡng kỹ năng cho CBCNV;
- › Xây dựng kế hoạch tuyển dụng và lựa chọn ứng viên cho từng vị trí tại Công ty;
- › Tham mưu cho HĐQT về ngân sách lương và hiệu quả thực hiện KPIs của từng phòng ban;
- › Cập nhật và cải tiến các chính sách lao động tại Công ty theo pháp luật hiện hành;
- › Xử lý khiếu nại và đảm bảo bình đẳng tại Công ty;
- › Chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về các vấn đề nhân sự – xã hội;

PHÒNG TỔNG VỤ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG

- › Đề xuất và ban hành các chính sách an toàn – vệ sinh – môi trường tại Công ty;
- › Giám sát, báo cáo tuân thủ về an toàn lao động và các tiêu chí về môi trường khác tại Công ty;
- › Huấn luyện nội dung an toàn – vệ sinh – môi trường định kỳ cho CBCNV;
- › Định kỳ đo kiểm môi trường tại nơi làm việc về khí thải, nước thải và chất thải;
- › Cập nhật và lập các chính sách, quy trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn an toàn - vệ sinh - môi trường tại nơi làm việc.
- › Báo cáo trực tiếp với TGD về các vấn đề an toàn - vệ sinh - môi trường;

PHÒNG KINH DOANH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ

- › Tham mưu TGD lập kế hoạch kinh doanh;
- › Tìm kiếm khách hàng tiềm năng, mở rộng mạng lưới khách hàng và thị trường;
- › Đẩy mạnh công tác bán hàng, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận cho Công ty;
- › Đảm bảo chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh chiến lược marketing;
- › Cập nhật tình hình thị trường và tham mưu TGD để có chính sách bán hàng hợp lý;
- › Báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty;

PHÒNG TÀI CHÍNH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ.

- › Tham mưu TGD và phòng kinh doanh về giá bán và price gap;
- › Quản lý và kiểm soát ngân sách toàn Công ty;
- › Báo cáo Ban TGD về các chi phí phát sinh và vượt định mức sử dụng;
- › Thúc đẩy phòng kinh doanh bám sát mục tiêu lợi nhuận Công ty đã đặt ra;
- › Kiểm soát tình hình tồn kho và cung cấp thông tin cho ban TGD;

PHÒNG KẾ HOẠCH SẢN TIÊU – PHỤ TRÁCH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU

- › Đáp ứng nhu cầu lịch giao hàng của Công ty;
- › Sắp xếp máy móc, thiết bị và nguồn nhân lực để tiến hành sản xuất các đơn hàng;
- › Lên kế hoạch sản xuất và kiểm soát tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất;
- › Phối hợp với phòng kinh doanh trong việc nhận đơn hàng và đáp ứng lịch giao hàng;

PHÒNG THU MUA – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

- › Tìm kiếm nhà cung ứng nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc và dịch vụ chất lượng;
- › Đảm bảo giá cả hợp lý, tiết giảm chi phí Công ty;
- › Đảm bảo lịch giao hàng của nhà cung ứng đúng thời hạn để phục vụ nhu cầu sản xuất Công ty;
- › Phát triển mạng lưới nhà cung ứng để giảm thiểu rủi ro hụt nguồn cung;

BỘ PHẬN SẢN XUẤT – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

- › Vận hành và quản lý chất lượng sản phẩm được sản xuất;
- › Đảm bảo không gây lãng phí tài nguyên Công ty trong quá trình sản xuất;
- › Giảm thiểu tối đa tỷ lệ phế phẩm;
- › Nghiên cứu và phát triển các giải pháp mới để nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm;



THÀNH TỰU PTBV ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2021 (GRI 102-28)

Quy trình đánh giá:

1. Dựa trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lao động – xã hội, báo cáo tuân thủ bảo vệ môi trường và kết quả hoàn thành nhiệm vụ KPIs hàng tháng.
2. HĐQT nhận xét và đưa ra đánh giá các thành tựu phát triển bền vững mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua,
3. HĐQT cũng đưa ra những định hướng phát triển mới cho giai đoạn tiếp theo (*xem thêm mục III.6.5*).

Tần suất đánh giá: Giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hàng tháng, hàng quý, đưa ra đánh giá hàng năm.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG

- > Thu nhập của người lao động năm 2021 tăng bình quân 5% so với 2020;
- > Chế độ phúc lợi của người lao động được cải thiện so với năm 2020;
- > Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn;
- > Thưởng hơn 2,5 tháng lương cho người lao động vào dịp tết nguyên đán;
- > Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;
- > Công ty tạo thêm nhiều công ăn việc làm trực tiếp cho lao động địa phương và gián tiếp cho các nhà thầu cung cấp thông qua: dự án mở rộng sản xuất, nâng cao tỷ trọng sợi recycle...
- > Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty;
- > Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- > Đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

- > Doanh thu thuần năm 2021 hoàn thành 87% so với kế hoạch năm 2021.
- > Tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu tăng mạnh chiếm 50% trong tổng doanh thu;
- > Lợi nhuận ròng năm 2021 đạt 278,4 tỷ VND và vượt mục tiêu năm 2021 12%;
- > Từng bước phát triển mạng lưới khách hàng, mở rộng thêm thị trường đặc biệt là thị trường Mỹ;
- > Tình hình tài chính của Công ty được cải thiện tốt hơn chỉ số nợ vay giảm còn 0,26 điểm ghi nhận ngày 31/12/2021;
- > Phát triển thành công các loại sợi có giá trị gia tăng cao (sợi Dope dye, Soft package, Full dull, High CR, CD Mix, Quick Dry) cho thị trường nội địa và xuất khẩu như Nhật Bản, Thái Lan;

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- > Phát triển sản phẩm sợi thân thiện với môi trường: tỷ trọng sợi tái chế đã tăng lên vượt bậc chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu, hướng tới tỷ lệ 100% năm 2025 (đối với nhà máy hiện hữu ở Củ Chi và Trảng Bàng);
- > Dự án năng lượng mặt trời giúp giảm 10% lượng carbon footprint hàng năm và giảm 530 nghìn tấn CO2 cho suốt vòng đời dự án;
- > Tái chế sợi phế phẩm thành hạt PET chip đầu vào, giúp giảm phát thải ra môi trường;
- > Phát triển và thương mại sợi màu dope dye, giúp giảm lượng nước sạch tiêu, hóa chất thụ và bảo vệ môi trường;
- > Trong năm 2021, số lượng ống giấy POY sử dụng là 736.422 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,6 lần nên số lượng ống giấy POY được tiết kiệm là 2.651.119 ống (nếu không áp dụng việc tái sử dụng, số lượng ống giấy POY cần có là 3.387.541 ống).
- > Chỉ số cacbon footprint về điện tăng 9% so với năm 2020, chủ yếu do công ty sản xuất và tiêu thụ các loại sợi đặc biệt và nhuộm nhiều hơn;
- > Chỉ số cacbon footprint về dầu Diesel đã hoàn toàn không còn phát sinh từ năm 2020;
- > Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2021, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 3,04 tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

Hội đồng quản trị Công ty

(GRI 102-22, 23, 24, 27)



Bà **Đặng Mỹ Linh** (50 tuổi)

Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: Chủ tịch HĐQT

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2020



Ông **Đặng Hướng Cường** (46 tuổi)

Ông Đặng Hướng Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: Thành viên HĐQT không điều hành

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2005



Ông **Đặng Triệu Hoà** (53 tuổi)

Ông Đặng Triệu Hoà là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung.

Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.

Với vai trò Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Vị trí: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Thời gian bổ nhiệm: Năm 2020



Bà **Cao Thị Quế Anh** (56 tuổi)

Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.

Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Thời gian bổ nhiệm: 12/01/2015



Ông **Võ Quang Long** (44 tuổi)

Ông là đại diện sở hữu vốn của Công ty cổ phần đầu tư vốn Hướng Việt – cổ đông lớn của Công ty.

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.
Vị trí: Thành viên HĐQT không điều hành
Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018



Ông **Chen Che Jen** (58 tuổi)

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc

Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật.
Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018



Ông **Nguyễn Quốc Hương** (51 tuổi)

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành tài chính và quản trị rủi ro tài chính.

Trình độ chuyên môn: Tài chính.
Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
Thời gian bổ nhiệm: 17/04/2018

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ CÁC CHỦ ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 102-20,32)

- > HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác.
- > Các mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban sẽ được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI) nhằm đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty.
- > HĐQT họp định kỳ hàng quý để trao đổi và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK.
- > Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban Điều Hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp.
- > Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.

HĐQT giao Ban Điều Hành và bộ phận Quan Hệ Cổ Đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

Ban điều hành

(GRI 102-22,23,24,27)



Ông **Đặng Triệu Hoà**

Phó chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1969, Nam

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc:

02/2020 - nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
06/2000 - 02/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
1995 - 2000	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
1991 - 1995	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.



Ông **Phan Như Bích**

Giám đốc Tài Chính kiêm Kế Toán trưởng

Năm sinh: 1970, Nam

Trình độ học vấn: MBA

Quá trình làm việc:

10/2016 - nay	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
11/2010	Kế toán trưởng, STK
03/2004 - 03/2010	Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương Mại Thành Công.
1997 - 03/2004	Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.



Bà **Nguyễn Phương Chi**

Giám đốc Chiến Lược

Năm sinh: 1972, Nữ

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc:

1/2015 - nay	Giám đốc Chiến lược, STK
3/2008 - 12/2014	Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
4/2005 - 2/2008	Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
10/2004 - 2/2005	Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF").
10/2002 - 10/2004	Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.
3/1997 - 3/2000	Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

Ban kiểm soát

(GRI 102-22,23,24,27)



Ông **Nguyễn Tự Lực**

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1952

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc

2007 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát, STK
2006 - nay	Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
2000 - 2006	Kế toán trưởng, STK
1984 - 2000	Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
1979 - 1984	Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn



Bà **Hoàng Nữ Mộng Tuyền**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1990

Trình độ học vấn: Cử nhân

Quá trình làm việc

2012 - 2019	Trưởng nhóm kinh doanh, STK
2019 - 2020	Trợ lý TGD
2020 - nay	Chuyên viên KD Công ty KPack



Bà **Đinh Ngọc Hoa**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1979

Trình độ học vấn: Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ

Quá trình làm việc

2005 - nay	Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK
2002 - 2004	Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp



Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan

GRI 102-22,23,24,27)

(Xem thêm mục XXX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN- BCTN 2021)



BẢO CẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2021

Bối cảnh Phát triển bền vững trên thế giới

Theo báo cáo về tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững 2021 của Liên Hợp Quốc “The Sustainable Development Goals Report 2021, dưới tác động của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu trong năm thứ 2 đã tạo ra cuộc khủng hoảng với quy mô lớn tác động tiêu cực đến cuộc sống và sinh kế của nhân loại trên toàn cầu cũng như nỗ lực để nhằm hiện thực hóa Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Đại dịch Covid-19 đã làm gián đoạn tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, hàng trăm triệu người bị lây nhiễm dịch bệnh, tỷ lệ tử vong tăng cao ở nhiều quốc gia đông dân, kinh tế trì hoãn và gián cách xã hội xảy ra, áp lực đến dịch vụ y tế cộng đồng, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hơn, tình trạng đói nghèo và thiếu lương thực liên tục xảy ra và ảnh hưởng đến cơ cấu bình đẳng giới cũng như việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

- > Đại dịch đã làm mất đi tương đương 255 triệu việc trên toàn cầu.
- > Lượng khách du lịch quốc tế giảm từ 1,5 tỷ lượt vào năm 2019 xuống còn 381 triệu lượt vào năm 2020.
- > Tăng trưởng kinh tế dự kiến sẽ chỉ trở lại mức trước đại dịch vào năm 2022 hoặc 2023.
- > Sản xuất toàn cầu giảm mạnh, giảm 6,8% năm 2020.
- > Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài giảm tới 40%.
- > Dòng chuyển tiền đến các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình đạt 540 tỷ usd trong 2020, giảm 1,6% so với 2019.

MÔI TRƯỜNG

- > Hàng tỷ người vẫn chưa được tiếp cận với nước uống an toàn, vệ sinh và hợp vệ sinh vào năm 2020.
- > Nhiệt độ trung bình toàn cầu năm 2020 ở mức 1,2°C so với đường cơ sở trước công nghiệp.
- > 129 quốc gia chưa quản lý bền vững tài nguyên nước theo mục tiêu đến năm 2030.
- > “Material footprint” toàn cầu tăng 70% từ năm 2000 đến năm 2017.
- > Rác thải nhựa tiếp tục gia tăng, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh covid việc sử dụng bao bì nhựa một lần tăng lên nhằm phòng chống dịch bệnh.
- > Nhiên liệu hóa thạch tiếp tục là mối đe dọa việc đạt được Thỏa thuận Paris và Chương trình nghị sự 2030.

KINH TẾ

CON NGƯỜI - XÃ HỘI

- > Thêm 119-124 triệu người bị đẩy trở lại tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2020.
- > Tỷ lệ đói nghèo toàn cầu không đạt mục tiêu xóa nghèo 7% vào năm 2030.
- > Trên toàn thế giới, có thêm 70-161 triệu người có khả năng phải trải qua nạn đói do hậu quả của đại dịch vào năm 2020.
- > COVID-19 đã xóa sổ 20 năm thành tựu giáo dục.
- > Bạo lực đối với phụ nữ vẫn tồn tại ở mức cao và ngày càng gia tăng do đại dịch.

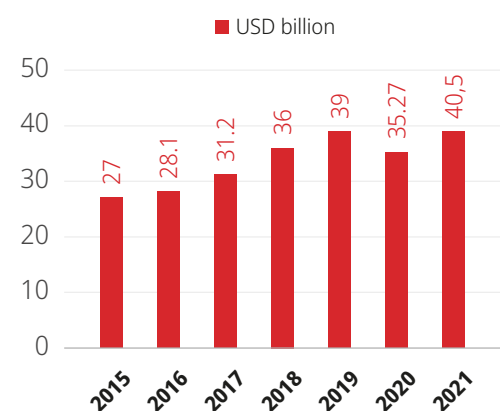
Bối cảnh Phát triển bền vững của ngành dệt may

Năm 2021, một số thị trường tiêu thụ hàng may mặc chủ chốt như Mỹ, EU đã có sự phục hồi tốt nên đơn hàng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đã tăng khá tốt trong 6 tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, giai đoạn quý 3 và quý 4 -2021 hết sức khó khăn đối với ngành dệt may Việt Nam khi chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 dẫn đến gián đoạn nguồn cung, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, thu hẹp công suất. Nhờ linh hoạt trong việc áp dụng các giải pháp duy trì sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu, các doanh nghiệp dệt may đã từng bước vượt qua khó khăn và đạt được mục tiêu đề ra. Tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam ước tính đạt 40,5 tỷ USD vào năm 2021, tăng 15,3% so với năm 2020 và tăng 4% so với năm 2019. Đây được coi là nỗ lực lớn của ngành dệt may Việt Nam, và kết quả đó cũng là tiền đề để thúc đẩy ngành phát triển trong thời gian tới.

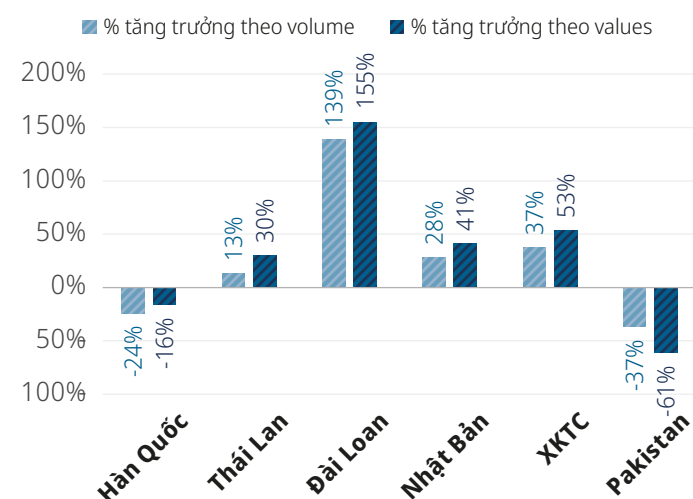
Năm 2022, các hiệp định thương mại FTAs đã ký sẽ là một trong những hỗ trợ tích cực cho hoạt động xuất khẩu dệt may của Việt Nam. Thị phần dệt may của Việt Nam tại Mỹ và EU vẫn đang tiếp tục được mở rộng với nhiều cơ hội mới để tăng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang những thị trường này.

Cam kết bảo vệ môi trường đang là xu hướng nổi bật của ngành thời trang. Vào năm 2018, ngành công nghiệp thời trang đã tham gia Hiến chương của Liên hiệp quốc về chống biến đổi khí hậu với việc thành lập Hiến chương ngành thời trang về hành động vì khí hậu (Fashion Industry Charter for Climate Action – UNFCCC). Tính đến năm 2021, đã có 132 thương hiệu bao gồm Nike, Adidas, Inditex, H&M, Lululemon, VFGroup, Decathlon, Gap, Kering, Kmart tham gia hiến chương.

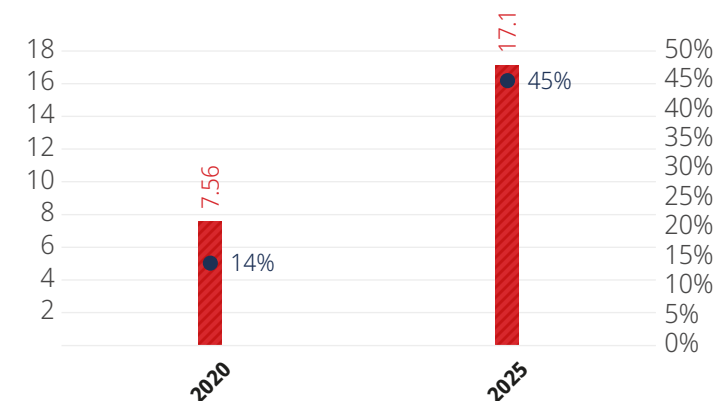
Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam



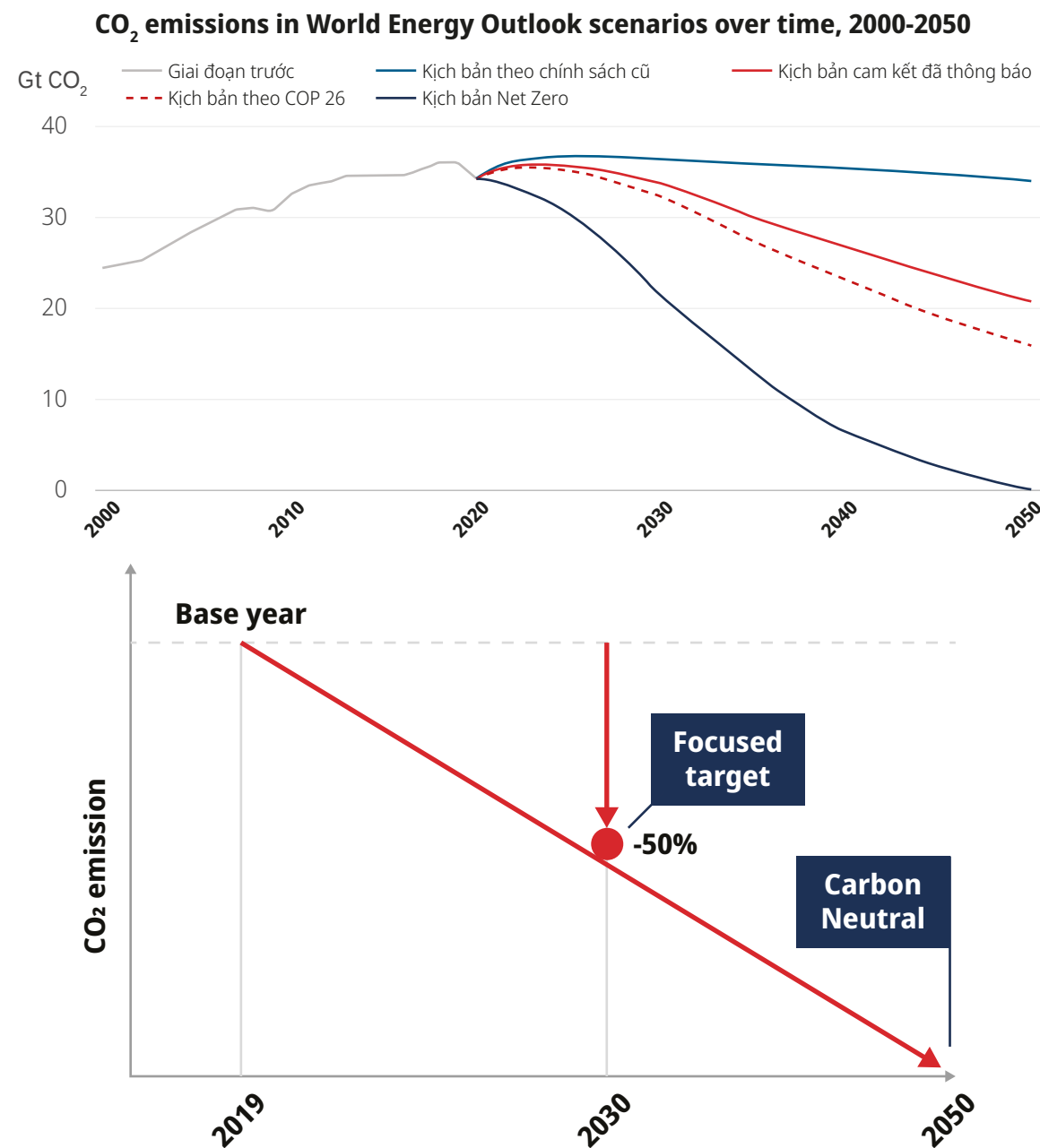
Tình hình XK sợi Polyester Filament của Việt Nam FY2021



■ Khối lượng recycle sử dụng (triệu tấn)
● Tỷ trọng trong tổng polyester fiber (%)



Hưởng ứng lời kêu gọi của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu tại của phiên họp thứ 26 của Hội nghị các bên (COP26) từ ngày 31 tháng 10 đến ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Glasgow, UNFCCC đã đưa ra cam kết cắt giảm carbon footprint xuống 50% vào năm 2030 và đạt được mức phát thải khí nhà kính bằng không vào năm 2050 nhằm giữ cho mức nóng lên toàn cầu không vượt 1.5°C.



Kế hoạch hành động của UNFCCC nhằm đạt được các mục tiêu nói trên bao gồm: sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng 100% các loại nguyên vật liệu ưu tiên (bao gồm sợi tái chế), liên kết các nhà cung ứng để cùng đạt mục tiêu.

Để thực thi kế hoạch hành động nói trên, vào tháng 4/2021, các thương hiệu thời trang đã cam kết nâng tỷ trọng sợi polyester tái chế trong tổng khối lượng sợi polyester từ mức 14% (năm 2020) lên 45% vào năm 2025. Như vậy, khối lượng tiêu thụ sợi polyester tái chế dự kiến sẽ tăng từ 4,5 triệu tấn/năm (2020) lên 17, 1 triệu tấn/năm vào năm 2025. (Nguồn: Textile Exchange).





Chiến dịch Không xả thải Hóa chất Nguy hiểm (“ZDHC”) là một sáng kiến khác của ngành nhằm bảo vệ tài nguyên nước. Trong sáng kiến này, 34 thương hiệu cam kết giảm thiểu việc sử dụng nước sạch, giảm thiểu nước thải có chứa hóa chất độc hại.

Năm bắt cơ hội phát triển và gắn kết với xu hướng phát triển bền vững, Sợi Thế Kỷ ngày càng tăng dần tỷ trọng cơ cấu sợi thân thiện với môi trường như sợi Recycle, năm 2021 tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu đã đạt hơn 50% và hướng tới mục tiêu 100% năm 2025 (đối với nhà máy hiện hữu ở Củ Chi và Trảng Bàng).

Đến 2021, Sợi Thế Kỷ đã gián tiếp tái chế 3,04 tỷ chai nhựa rác thải thành sợi recycle, góp phần giảm rác thải chai nhựa trên đại dương và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó STK cũng đã phát triển sợi màu sử dụng công nghệ dope dyed, tạo ra giải pháp thay thế công đoạn nhuộm truyền thống, giúp các khách hàng giảm lượng nước sạch tiêu thụ tới 89%, đồng thời giảm tương ứng mức xả nước thải và hóa chất ra môi trường, góp phần đạt được các cam kết của chiến dịch ZDHC. Mặc dù tỷ lệ đóng góp trong doanh thu của sợi màu còn khiêm tốn (0,002% năm 2021), Công ty đã có được 18 khách hàng mua sản phẩm này và dự kiến tỷ trọng sản phẩm sợi màu sẽ tăng trong các năm tới.

Các giá trị đạo đức của Công ty (GRI 102-16)

(Xem thêm mục xxx. Báo cáo quản trị- BCTN 2021)

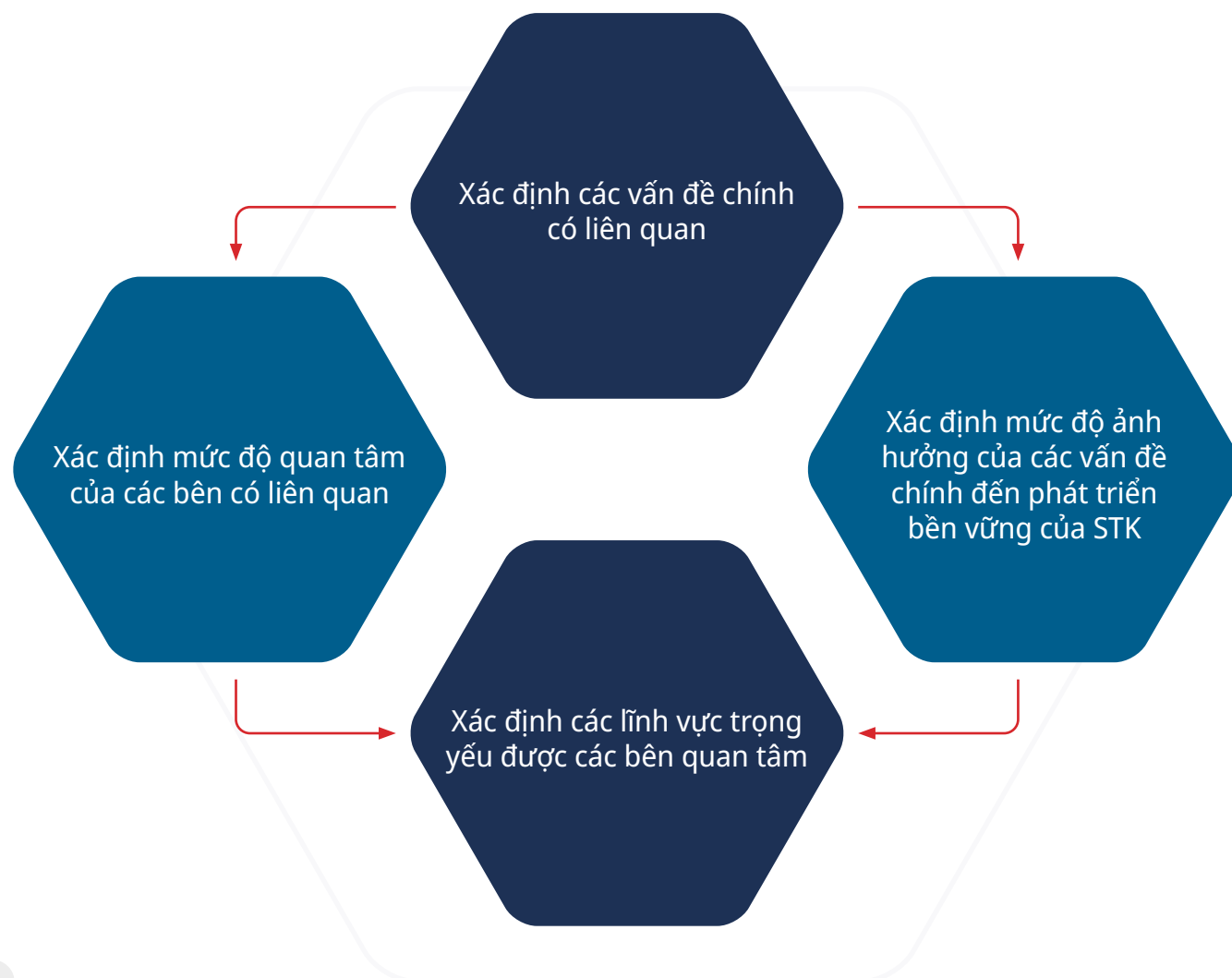
Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan (GRI 102-16)

(Xem thêm mục xxx. Báo cáo quản trị- BCTN 2021)

Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về bộ quy tắc ứng xử tại công ty (GRI 102-17)

Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại STK, bộ chuẩn mực quy tắc ứng xử được hệ thống hóa thành quy trình SOP và kiểm soát dưới tiêu chuẩn ISO, áp dụng rộng rãi đến tất cả người lao động và các bên liên quan, bộ phận nhân sự và phòng phát triển doanh nghiệp là những đơn vị chủ trì trực tiếp đến các báo cáo và những quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử.

Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thiết lập Báo cáo PTBV



NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102 – 42)

- > Công ty dựa trên nguyên tắc xác định mức ảnh hưởng có thể có được từ hoạt động kinh doanh của STK đến các bên và ngược lại những mối quan tâm, sức ảnh hưởng của các bên đến STK.
- > Theo đó, 8 bên liên quan trọng yếu của STK bao gồm:



LIÊN TỤC CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102 – 43,44)

- > Liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan.
- > Tiếp cận một cách sâu hơn các vấn đề trọng yếu.
- > Sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng.
- > STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ.
- > Công ty chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan, cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp.

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Cổ đông	> Cuộc họp ĐHĐCĐ. > Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. > Hội thảo và tham quan nhà máy. > Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. > Bản tin IR, Investor Day, Analyst's meetings.	> Minh bạch thông tin. > Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. > Quản trị doanh nghiệp tốt. > Định hướng phát triển lâu dài. > Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. > Định hướng phát triển bền vững. > Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng. > Chính sách cổ tức. > Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH. > Giá trị của doanh nghiệp. > Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư.	> Doanh thu đạt 2.042 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 278,5 tỷ VND, hoàn thành 112 % so với kế hoạch đề ra. > Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ. > Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 50% 2021. > Phát hành tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu. > Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường Recycle Plus. > Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin. > Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. > Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2020. > Đa dạng các kênh công bố thông tin.
Khách hàng	> Trao đổi trực tiếp. > Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng. > Phiếu khảo sát khách hàng > Website Công ty > Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. > Email, điện thoại.	> Công ty hoạt động bền vững- an toàn và uy tín. > Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. > Giá cả cạnh tranh. > Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. > Dịch vụ khách hàng vượt trội. > Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. > Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. > Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. > Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại.	> Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuễn rất cao. > Đảm bảo chất lượng của sản phẩm. > Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. > Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng. > Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. > Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. > Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168). > Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. > Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). > Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ.
Người lao động	> Chương trình Tôn chỉ. > Các cuộc họp giao ban. > Đối thoại định kỳ với người lao động. > Hội nghị người lao động hàng năm. > Trực tiếp trao đổi với người quản lý. > Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. > Phiên họp thương lượng tập thể.	> Môi trường làm việc thoải mái an toàn. > Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. > Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. > Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. > Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. > Cơ hội thăng tiến trong công việc > Tầm nhìn của người lãnh đạo. > Sự công bằng và dân chủ. > Không phân biệt đối xử. > An toàn phòng chống dịch Covid-19 trong nơi làm việc.	> Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. > Tăng lương bình quân 5% tùy vào vị trí công việc. > Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 11 người. > Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. > Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. > Thực hiện cơ chế 5s, cải thiện môi trường làm việc. > Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe. > Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. > Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm - 14/12/2021. > Thực hiện nhiều biện pháp phòng chống dịch Covid-19 bảo vệ sức khỏe người lao động (5K, tiêm vaccine, 3-tại-chỗ, khử trùng thường xuyên...)

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
Nhà cung ứng	› Gặp gỡ trực tiếp. › Tham quan nhà máy. › Thông qua email, điện thoại. › Thu thập thông tin qua khảo sát.	› Uy tín, cộng tác dài lâu. › Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. › Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn.	› Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. › Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. › Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài. › Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.
Nhà nước	› Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. › Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. › Các văn bản hành chính của nhà nước.	› Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. › Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. › Hỗ trợ phát triển cộng đồng. › Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. › Tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch Covid-19.	› Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. › Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. › Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. › Ủng hộ chủ trương của nhà nước. › Nộp thuế đầy đủ. › Hỗ trợ phát triển địa phương. › Nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 do Ban QLKC và chính quyền địa phương hướng dẫn.
Ngân hàng đối tác	› Các cuộc gặp mặt trực tiếp. › Điện thoại và email.	› Công ty hoạt động bền vững và uy tín. › Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. › Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. › Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển	› Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. › Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. › Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch.
Cộng đồng địa phương	› Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. › Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. › Các hoạt động xã hội cộng đồng.	› Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. › Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. › Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. › Góp sức cùng địa phương phòng chống dịch Covid-19	› Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. › Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. › Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. › Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. › Phát triển đô thị hóa nông thôn. › Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 bảo vệ sức khỏe người lao động địa phương (5K, tiêm vaccine, 3T, khử trùng thường xuyên,...)
Hiệp hội ngành (VCOSA)	› Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi.	› Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành.	› Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. › Đóng góp hội phí thường niên. › Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA).

CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU (GRI 103, GRI 102-47)

Thông qua đánh giá tính quan trọng trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, STK đã xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và các hoạt động của Công ty trong năm 2021.

Bước 1

Xác định các lĩnh vực trọng yếu có thể ảnh hưởng sự phát triển bền vững của STK

- > Phân tích thị trường kinh doanh và nắm bắt định hướng nhu cầu khách hàng.
- > Đánh giá rủi ro tình hình bùng phát dịch bệnh trên thế giới.
- > Phân tích dữ liệu xuất nhập khẩu, đánh giá tình hình cạnh tranh tại các thị trường chính.
- > Tiếp nhận và phân tích các ý kiến đóng góp từ các kênh tiếp xúc của các bên có liên quan.

Quy trình xác định vấn đề trọng yếu

Bước 4

Đánh giá và rà soát lại các lĩnh vực trọng yếu đã thực hiện

- > Rà soát kết quả sau khi thực hiện.
- > Tiếp nhận các đóng góp của các bên liên quan.
- > Liên tục cải thiện các lĩnh vực trọng yếu trở nên chính xác hơn.

Bước 2

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

- > Tổng hợp các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm.
- > Tiếp nhận ý kiến từ Ban Điều Hành và các thành viên Hội Đồng Quản Trị bổ sung các vấn đề trọng yếu.
- > Cân bằng và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.
- > Sàng lọc các vấn đề trọng yếu phù hợp với mục tiêu phát triển và những chiến lược của Công ty.
- > Chia các vấn đề trọng yếu theo ba lĩnh vực: Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

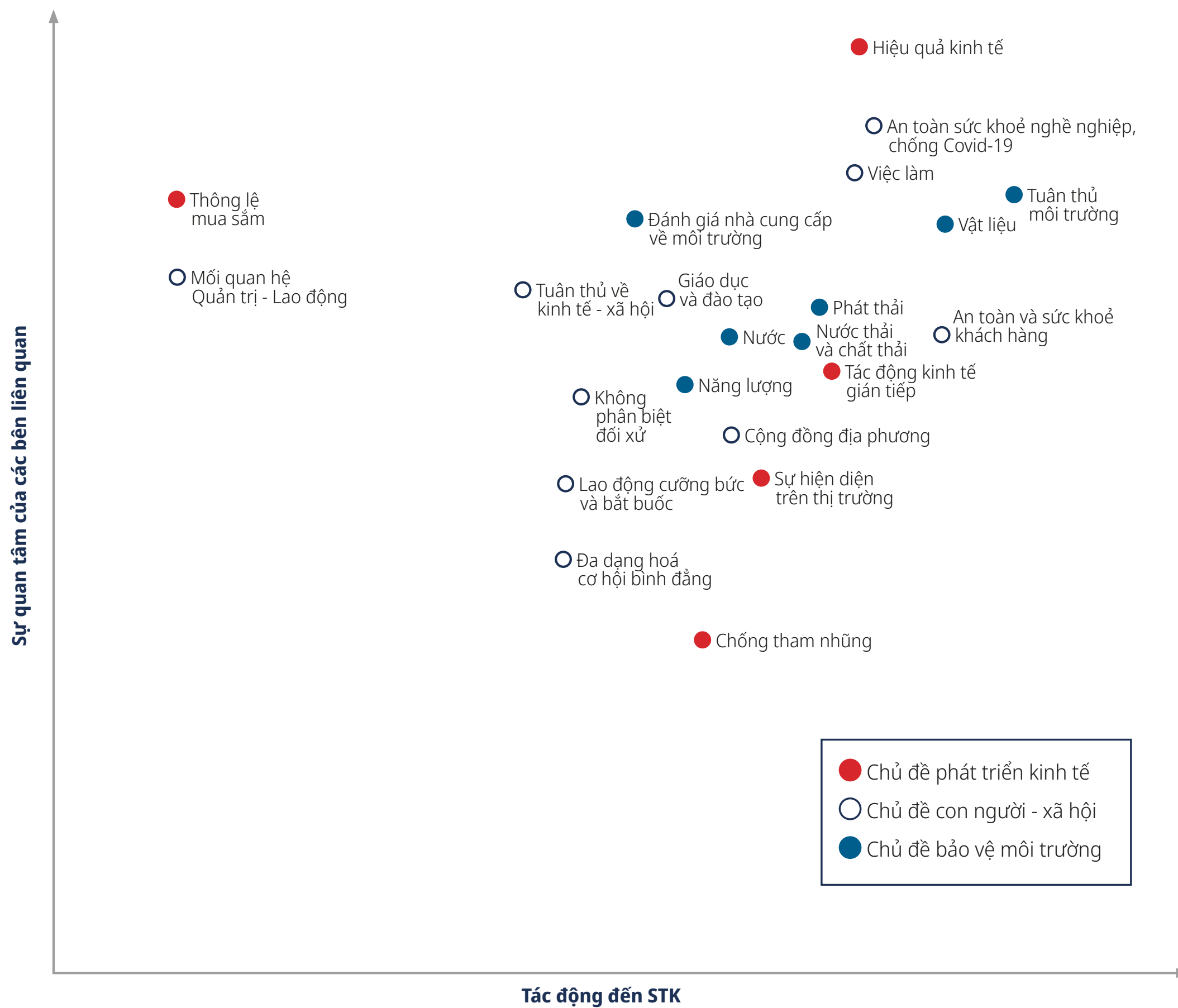
Bước 3

Xác định và phê duyệt các lĩnh vực trọng yếu trong năm

- > Thiết lập ma trận các vấn đề trọng yếu.
- > Xác định các vấn đề có mức quan tâm và mức độ ảnh hưởng cao.
- > Sắp xếp mức độ ưu tiên thực hiện các vấn đề trọng yếu.



MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU 2021 (GRI 102-47)

Kinh tế

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Duy trì và ổn định doanh thu, lợi nhuận.
- Phát triển thị trường và hợp tác cùng có lợi với các bên liên quan.
- Nâng cao tỷ lệ bán hàng sợi recycle, sợi có giá trị gia tăng cao.
- Phát triển kinh tế cộng đồng địa phương thông qua nâng cao mức thu nhập cho người lao động.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- Hiệu quả kinh tế 2021
- Sự hiện diện trên thị trường
- Chống tham nhũng
- Tác động kinh tế gián tiếp

Môi trường

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Tiêu hao năng lượng và nguyên vật liệu hiệu quả.
- Tiết kiệm điện, nước sử dụng trong các hoạt động sản xuất-kinh doanh.
- Sử dụng năng lượng tái tạo.
- Giảm phát thải khí nhà kính, khí thải, tăng cường tái chế và tái sử dụng nguyên vật liệu.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn-vệ sinh-môi trường.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- Vật liệu
- Nước
- Năng lượng
- Phát thải
- Nước thải và chất thải
- Tuân thủ môi trường

Lao động - Xã hội

Đóng góp các mục tiêu SDGs



VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Duy trì lượng lao động và nâng cao quyền lợi lao động.
- Xây dựng chính sách phúc lợi, thu nhập và bảo vệ sức khỏe người lao động.
- Phòng chống Covid-19 tại công ty cho người lao động.
- Duy trì môi trường làm việc an toàn, minh bạch và công bằng.
- Tạo cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- Việc làm
- Giáo dục đào tạo
- An toàn sức khỏe nghề nghiệp, phòng chống Covid-19.
- An toàn và sức khỏe khách hàng
- Cộng đồng địa phương

ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2022-2025

- > Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh Sợi-Dệt-May) nhằm đạt lợi thế về qui mô.
- > Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu.
- > Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.
- > Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 50% năm 2021 lên 100% vào năm 2025 (đối với nhà máy hiện hữu ở Củ Chi và Trảng Bàng).
- > Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy.
- > Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất và giảm phế phẩm.
- > Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói.

Chiến lược Phát triển bền vững Trung - Dài hạn

Chiến lược Phát triển bền vững Ngắn hạn

- > Thực hiện triển khai xây dựng dự án Untiex và Liên minh Sợi-Dệt-May, tối ưu hóa năng lực sản xuất.
- > Nâng cao công suất hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi.
- > Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- > Nâng tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2022 đạt 54,3% trên tổng doanh thu của Công ty.
- > Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD...
- > Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.
- > Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
- > Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

Thực hiện gắn kết chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững tại Công ty và luôn bám sát thực hiện các mục tiêu đã đề ra. STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động tại Công ty, xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2022-2025 của doanh nghiệp, cụ thể:



Một cuộc sống tốt hơn

- > Tạo ra thêm công ăn việc làm.
- > Tăng thu nhập cho người lao động.
- > Đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương.
- > Xây dựng môi trường làm việc an toàn.
- > Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.
- > Cam kết chính sách bình đẳng trong việc sử dụng người lao động
- > Duy trì công bằng và đối xử bình đẳng giữa nam và nữ.
- > Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu,
- > Tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.
- > Tái sử dụng, tái chế nguyên vật liệu.
- > Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.



Một môi trường tốt hơn

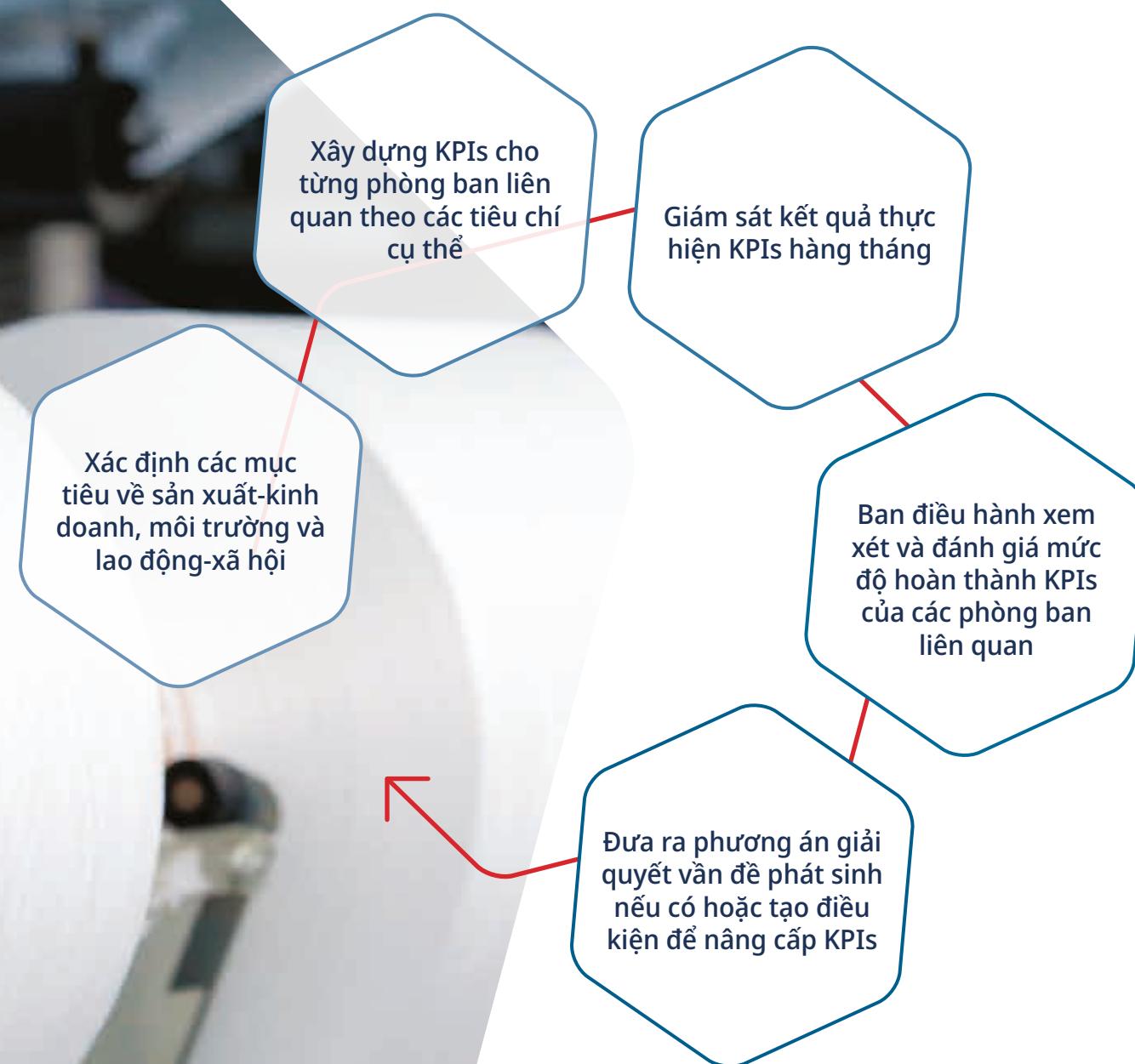
- Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả
- Không sử dụng hóa chất độc hại.
- Tái sử dụng nước tuần hoàn trong sản xuất.
- Phát triển sản phẩm sợi màu, giúp ngành dệt nhuộm hạn chế sử dụng nước sạch và thải hóa chất độc hại.
- Sử dụng năng lượng hợp lý.
- Tiết kiệm năng lượng.
- Sử dụng năng lượng mặt trời.
- Sáng kiến tiết kiệm điện.
- Hạn chế phát thải.
- Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.



Sự phát triển tốt hơn

- Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho người lao động, công bằng và không phân biệt đối xử cho người lao động.
- Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật.
- Hợp tác với các đối tác chiến lược để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn.

Cách thức triển khai thực hiện định hướng mục tiêu phát triển bền vững đề ra: Dựa trên định hướng PTBV, Ban điều hành xác định các mục tiêu PTBV và cụ thể hóa thành các kế hoạch hành động như sau:



Việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh-sản xuất, môi trường và xã hội còn được giám sát bởi các thành viên HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT, nhằm đảm bảo tuân thủ theo định hướng phát triển bền vững Công ty đặt ra.

KPIs cụ thể:

MỤC TIÊU PTBV	BỘ PHẬN LIÊN QUAN	KPIS	NGƯỜI PHỤ TRÁCH GIÁM SÁT
KINH TẾ	Kinh Doanh	> Kết quả bán hàng trong tháng về doanh thu, lợi nhuận. > Số lượng khách hàng và thị trường mới.	Tổng Giám Đốc Công ty. Trưởng phòng kinh doanh Trợ lý kinh doanh. Trưởng nhóm kinh doanh nội địa và xuất khẩu.
TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM	Kinh Doanh Đánh giá chất lượng Quản lý chất lượng	> Thời gian giao hàng. > Chất lượng sản phẩm. > Phản hồi khách hàng. > Thái độ phục vụ. > Thời gian giải quyết khiếu nại. > Giá cả cạnh tranh hợp lý. > Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm	Tổng Giám Đốc Công ty. Trưởng nhóm QA. Phó Giám Đốc sản xuất phụ trách QC.
MÔI TRƯỜNG	Tổng vụ ISO team Utility Thu mua	> Mức tiêu hao điện sử dụng. > Mức tiêu hao nước sử dụng. > Lựa chọn nhà cung ứng đạt chuẩn. > SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự. > Khối lượng nguyên/vật liệu sử dụng. > Chi phí điện, nước. > Thực hiện tiết kiệm điện, nước. > Mức xả thải rác thải, nước thải, khí thải. > Chi phí xử lý nước thải, rác thải.	Tổng Giám Đốc Công ty. Giám đốc tổng quản lý. Trưởng bộ phận Thu mua. Trợ lý TGD về thu mua. Trưởng bộ phận Utility. Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ của phòng Tổng Vụ. Nhân viên ISO.
QUYỀN CON NGƯỜI TẠI NƠI LÀM VIỆC, LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	Nhân sự Đào Tạo ISO team Tổng Vụ	> Kết quả tuyển dụng. > Tỷ lệ đáp ứng lao động. > Kết quả thực hiện đào tạo. > Quản lý chi phí đào tạo. > Tỷ lệ biến động nhân sự. > SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự. > Tỷ lệ nhân viên được đề bạt. > Quản lý chi phí lương, phúc lợi. > Quản lý tuân thủ các chính sách an toàn – vệ sinh. > Quản lý tuân thủ các chính sách về lao động. > Quản lý chi phí xây dựng quỹ học bổng, phúc lợi.	Tổng Giám Đốc Công ty. Giám Đốc tổng quản lý. Trưởng bộ phận nhân sự. Trưởng nhóm đào tạo. Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ, trách nhiệm xã hội của phòng Tổng Vụ. Nhân viên ISO.

DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU (GRI 102-15,30)

(Tham khảo thêm xxx Báo cáo quản trị rủi ro – BCTN 2021)

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA (GRI 102-56)

- STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo.
- Dữ liệu về hoạt động của STK được đảm bảo chéo của bên thứ ba, tăng tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:
 - › Quy trình tác nghiệp, việc tuân thủ các quy định về môi trường lao động, chỉ số hoạt động (chính sách tuân thủ môi trường – an toàn – lao động, chính sách lao động, phúc lợi, lương thưởng và các cam kết về trách nhiệm xã hội, số lượng recycle chip sử dụng, sản lượng recycle được sản xuất) được chuẩn hóa thành SOPs và đảm bảo bởi đơn vị đánh giá GRS.
 - › Quy trình vận hành và hệ thống quản trị được đánh giá định kỳ 2 năm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
 - › Chỉ số trách nhiệm xã hội được đánh giá định kỳ theo tiêu chuẩn một số khách hàng là các thương hiệu thời trang hàng đầu trên thế giới.
 - › Thông tin về sản phẩm và quy trình sản xuất không độc hại như nguồn gốc nguyên, vật liệu, số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá Oekotex100 và REACH.
 - › Thông tin về xử lý chất thải (khối lượng nước thải, rác thải và chi phí xử lý) được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý nước thải và chất thải nguy hại.
 - › Thông tin về tiết kiệm năng lượng (điện, nước và chi phí sử dụng) được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP.HCM.
 - › Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động (chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc) được đảm bảo bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
 - › Thông tin về kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
 - › Thông tin tài chính (doanh thu, lợi nhuận, thuế, quỹ khen thưởng phúc lợi) được kiểm toán bởi Ernst & Young.
 - › Thông tin tiêu chuẩn lao động - xã hội (tỷ lệ nam/nữ, trình độ lao động, tuổi, thu nhập bình quân, lương thưởng, tỷ lệ biến động nhân sự, các khóa đào tạo và ngân sách chi phí đào tạo, ngân sách chi phí tặng quỹ học bổng, số lượng cá nhân được đề bạt, ngân sách kinh phí trao tặng quà cho lao động có hoàn cảnh khó khăn) được đánh giá bởi kiểm toán nội bộ và được đảm bảo theo báo cáo tình hình lao động gửi TANIZA và HEPZA.



NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TẾ



TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ – GRI 200

“ Nhờ việc không ngừng tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng cho mảng sợi tái chế, công ty đã thu hút được khách hàng cho mảng sợi này và tỷ trọng sợi tái chế trên tổng doanh thu tiếp tục tăng trưởng và nhờ vậy lợi nhuận được đảm bảo bất chấp khó khăn trong dịch bệnh



MỤC TIÊU 2021

- > Doanh thu: 2.357 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: 248,2 tỷ đồng;
- > Đảm bảo mức lương khởi điểm cao hơn mức lương tối thiểu vùng;
- > Tăng đóng góp cho xã hội và địa phương;
- > Mở rộng công suất, phát triển thêm các sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
- > Cải thiện chế độ lương-phúc lợi cho người lao động;
- > Thưởng cuối năm 1 tháng lương cho người lao động;
- > Duy trì mức tăng lương bình quân tối thiểu 5%;
- > Chi trả cổ tức tối thiểu 15%/mệnh giá;

KẾT QUẢ 2021

- > Hoàn thành 87% kế hoạch doanh thu, đạt 2.042 tỷ đồng;
- > Vượt 12% kế hoạch lợi nhuận, đạt 278,4 tỷ đồng;
- > Thưởng cuối năm hơn 2 tháng lương, tỷ lệ nhân viên tham gia BHXH đạt 100%;
- > Mức lương thấp nhất tại STK cao hơn lương tối thiểu vùng từ 40%-57%;
- > Chi trả cổ tức 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2020 – 98,7 tỷ đồng;
- > Hoàn thành nghĩa vụ thuế, nộp 116 tỷ đồng thuế vào ngân sách nhà nước;
- > Triển khai thực hiện dự án mở rộng công suất Untiex và Liên minh Sợi-Dệt-May

1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững để góp phần duy trì cân cân và tạo điều kiện cho các hoạt động phát triển bền vững của Công ty được liên tục thực hiện dưới bối cảnh khó khăn của thị trường do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Trong năm 2021, Công ty đã áp dụng một cách hiệu quả chiến lược kinh doanh, phương pháp tiếp cận khách hàng nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, từng bước mở rộng thị phần trong nước và xuất khẩu.

CHÍNH SÁCH	> Kế hoạch kinh doanh, chính sách bán hàng, chính sách phục vụ khách hàng, chính sách marketing hàng năm; > Chính sách lương thưởng và cam kết của Công ty số CS-06 (01/03/2016); > Thông báo áp dụng thang lương bảng lương mới nhất số 282-18/CV –TK; > Các dự án mở rộng sản xuất của Công ty (Unitex, Liên minh Sợi Dệt May); > Xây dựng ngân sách đào tạo đội ngũ bán hàng hàng năm;
CAM KẾT	> Cạnh tranh lành mạnh, mọi hoạt động kinh doanh và phát triển kinh tế đều tuân thủ theo pháp luật hiện hành; > Cam kết chính sách chi trả tiền lương, phúc lợi tuân thủ theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng; > Cam kết tạo thu nhập ổn định cho người lao động địa phương, tổ chức các khóa đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ người lao động địa phương;

MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	> Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch kinh doanh; > Mở rộng thị trường, nâng cao thị phần trong nước và thị trường xuất khẩu; > Chi trả đúng theo thang lương/bảng lương cho người lao động; > Tạo thu nhập, cải thiện mức sống và nâng cao trình độ cho cộng đồng địa phương;
TRÁCH NHIỆM	> Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	> Phòng kinh doanh/marketing, bộ phận tài chính... > Phòng phận nhân sự, bộ phận đào tạo;
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	> Quy trình giải quyết khiếu nại khách hàng QA-QT-01; > Khảo sát và thăm khách hàng định kỳ; > Quy trình khiếu nại/khiếu kiện của người lao động;

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-2)

- Năm 2021, STK đã đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận rất khả quan và tích cực được HĐQT và Ban Điều Hành đánh giá cao trong bối cảnh toàn thị trường gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19.
- Công ty duy trì chế độ lương, thưởng, phúc lợi được chi trả đúng hạn và đúng theo cam kết với người lao động. Bất chấp việc Công ty phải tạm thời thu hẹp sản xuất, ngưng một số máy trong giai đoạn quý 2, quý 3-2021 do tình hình dịch bệnh, Công ty vẫn cố gắng giữ người lao động bằng việc tổ chức các lớp đào tạo đa tay nghề, duy trì thu nhập cho người lao động và nâng mức thưởng tết Nguyên Đán 2022 dựa trên kết quả kinh doanh khả quan của Công ty trong dịp cuối năm.
- Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương trực tiếp và gián tiếp.

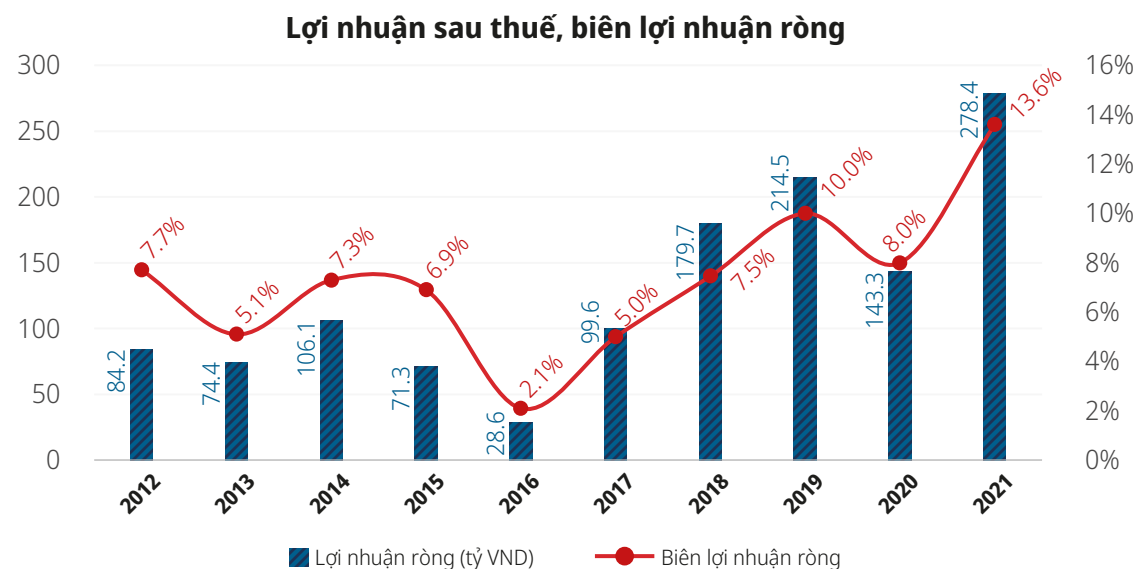
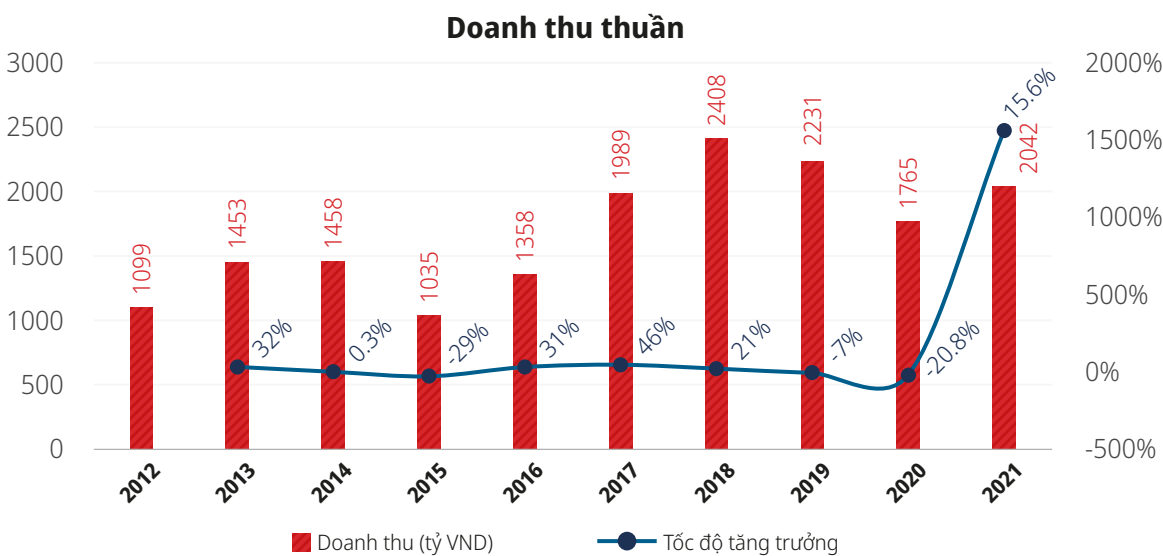
Trách nhiệm nâng cao hiệu quả kinh tế

(GRI 201)

GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP TẠO RA VÀ PHÂN PHỐI (GRI 201-1)

Mặc dù dưới tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng mạnh đến toàn thị trường trong năm 2021, Công ty đã nỗ lực đạt được 2.043 tỷ đồng doanh thu thuần, hoàn thành 87% mục tiêu doanh thu kế hoạch 2021, vượt mục tiêu lợi nhuận là 12% so với kế hoạch năm 2021, đạt 278,4 tỷ đồng.

STK thành công phát triển thêm các loại sợi thân thiện với môi trường có giá trị gia tăng cao như sợi Recycle, Dope dye, Recycle Plus, từng bước mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và quốc tế, đặc biệt là thị trường Mỹ.



CHẾ ĐỘ LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG

(GRI 201-1)

Sự tăng trưởng về kinh tế cũng giúp STK gia tăng các đóng góp cho xã hội và cộng đồng thông qua các đóng góp:

- > Đảm bảo chế độ phúc lợi với tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 100%;
- > Chi trả cổ tức: 15% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông Công ty cho năm tài chính 2020;
- > Duy trì hoạt động sản xuất trong giai đoạn dịch Covid-19, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, cải thiện chính sách tuyển dụng và đãi ngộ tốt cho người lao động;
- > Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2020 ước tính 113,1 tỷ đồng;
- > Thưởng với hơn 2,5 tháng lương vào dịp Tết Nguyên Đán 2022;
- > Chính sách bảo hiểm 24h cho toàn thể CBCNV với tỷ lệ tham gia là 100%;
- > Chính sách bồi dưỡng độc hại tại chỗ hàng tháng cho CBCNV bằng hiện vật, chế độ đưa đón CBCNV miễn phí, hỗ trợ miễn phí nhà trọ, phụ cấp điện thoại, tặng quà lễ, tết cho CBCNV;

Sự hiện diện trên thị trường (GRI 202)

TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG (GRI 202-1)

Công ty xem xét tỷ lệ của mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu vùng dựa trên địa bàn hoạt động của Công ty tại nhà máy Củ Chi (TP.HCM) và Trảng Bàng (Tây Ninh).

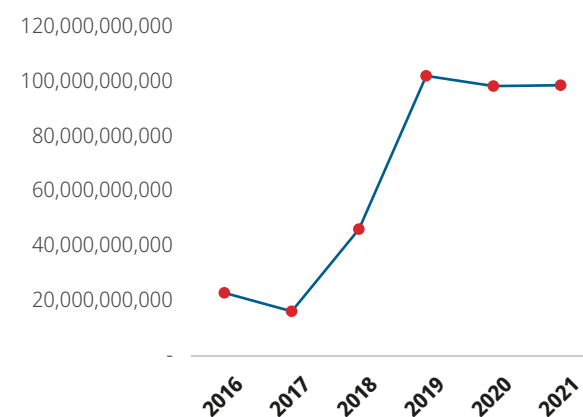
	Khu vực TP.HCM (VND)	Khu vực Tây Ninh (VND)
Lương tối thiểu vùng	4.420.000 đồng/tháng	3.920.000 đồng/tháng
Mức lương thấp nhất tại STK	6.182.000 đồng/tháng	6.148.000 đồng/tháng

Tên địa điểm	Tỷ lệ theo nam giới (%)	Tỷ lệ theo nữ giới (%)
TP.HCM	72%	28%
Tây Ninh	85%	15%

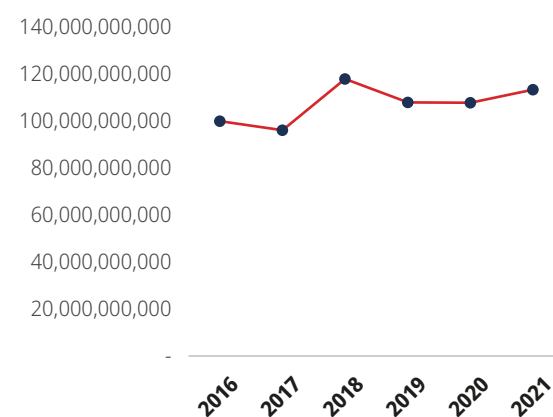
Tác động kinh tế gián tiếp (GRI 203)

NHỮNG ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP CỦA STK CHO NỀN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI TRONG NĂM 2021

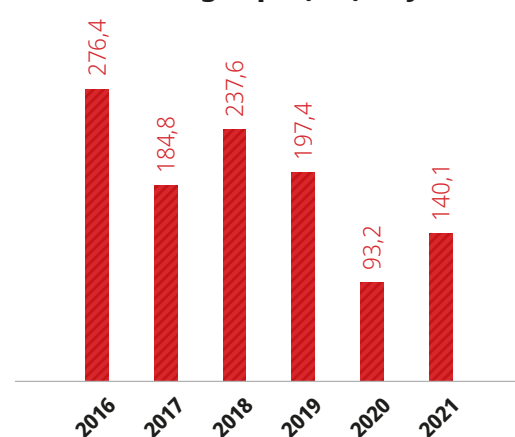
Số tiền chi trả cổ tức năm cho cổ đông (tỷ VND)



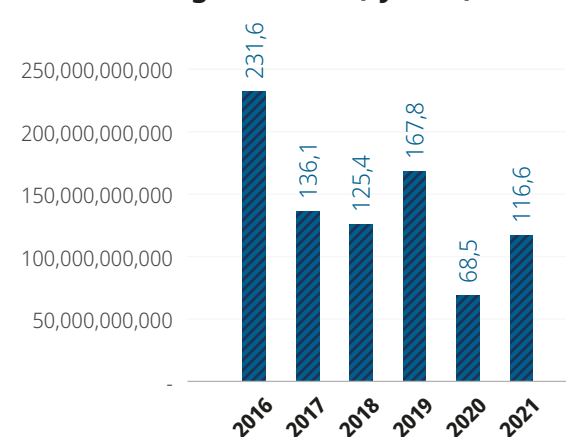
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động (tỷ VND)



Trong đó giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa (tỷ VND)



Tổng tiền thuế đã đóng trong năm 2021 (tỷ VND)



Mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh, Công ty vẫn duy trì mức đóng góp cho nền kinh tế địa phương và xã hội. Trong năm 2021, Công ty đã nâng cao mức chi thưởng cho người lao động địa phương tăng 5,18% so với 2020, góp phần nâng cao mức sống của người dân địa phương. Ngoài ra, những đóng góp gián tiếp của STK cho nền kinh tế địa phương và xã hội còn thể hiện qua ngân sách nộp thuế và giá trị giao dịch với nhà cung ứng nội địa, lần lượt tăng 70,16% và 50,16% so với năm 2020.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ NĂM 2022

- > Tăng trưởng doanh thu: 2.605 tỷ đồng, tăng 28%;
- > Tăng trưởng lợi nhuận: 300,2 tỷ đồng, tăng 8%;
- > Tăng lương bình quân hơn 5% cho người lao động;
- > Tăng tỷ lệ sợi có giá trị gia tăng (sợi tái chế): 54,6% trên tổng doanh thu;
- > Đảm bảo duy trì thưởng cho người lao động theo kết quả kinh doanh cuối năm;
- > Chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông Công ty 15%/mệnh giá



TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG – GRI 300

“ Nhờ việc kiên định thực hiện các biện pháp tiết giảm tiêu hao năng lượng, nước và hạn chế tỷ lệ phát thải, phế phẩm đã giúp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất nên khi doanh thu Công ty giảm trong quý 3-2021, công ty vẫn có lãi



MỤC TIÊU 2021	KẾT QUẢ 2021
> Tiêu hao nguyên vật liệu hợp lý; > Nâng tỷ trọng vật liệu tái chế được sử dụng; > Nâng cao tỷ trọng tái sử dụng vật liệu đóng gói; > Sử dụng nguồn nước hợp lý và tiết kiệm; > Tái sử dụng nước trong sản xuất; > Sử dụng nguồn năng lượng hợp lý và tiết kiệm; > Tiết giảm chi phí điện; > Giảm thiểu phát thải; > Giảm phát thải khí nhà kính; > Không vi phạm luật môi trường về rác thải và nước thải; > Không vi phạm các sự cố an toàn-vệ sinh-môi trường, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường; > Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo; > Tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành về môi trường; > Mục tiêu nước sử dụng m³/kg sợi: 0.0022; > Mục tiêu điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY: 0.9kw/kg sợi; DTY:2,06 kw/kg sợi; FDY: 1,51 kw/kg sợi; > Tỷ trọng sợi recycle trên tổng doanh thu là 50%; > Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY bình quân 3,7 lần; > Tỷ lệ sử dụng nước tuần hoàn đạt 2% trên tổng lượng nước sử dụng; > Tỷ lệ năng lượng tái tạo chiếm 3% trên tổng nhu cầu năng lượng;	> Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 22%; > Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng: 2%; > Nước sử dụng m³/kg sợi: 0.0025 > Lượng điện năng tiêu thụ tăng 9%, điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY: 1,2kw/kg sợi; DTY:2,14 kw/kg sợi; FDY: 1,6 kw/kg sợi ; > Áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện 2021 giúp giảm 1.114 Mwh/năm; > Hệ số phát thải carbon footprint của điện năng tăng 9%; > Tổng lượng điện sử dụng từ dự án năng lượng mặt trời 3.400 Mwh, chiếm hơn 3% trên tổng năng lượng tiêu thụ; > Hệ số phát thải carbon footprint của dầu DO cho xe nâng giảm 100%; > Tỷ lệ sợi recycle chiếm 50,1% trên tổng doanh thu; > Không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về rác thải và xử lý nước thải, an toàn-vệ sinh-môi trường, phòng cháy chữa cháy; > Kết quả chỉ số của báo cáo quan trắc môi trường và báo cáo đo đạt môi trường lao động đều nằm trong khung tuân thủ theo quy định và luật môi trường;

1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Nhằm đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững ngành dệt may Việt Nam, Công ty luôn không ngừng nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, giảm tác động tiêu cực tới môi trường. Do vậy, Công ty ưu tiên nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu tái chế, đầu tư máy móc, thiết bị, cải tiến công nghệ sản xuất theo hướng xanh, sạch, giảm sử dụng năng lượng hóa thạch, được xem là giải pháp cần thiết để doanh nghiệp tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

CHÍNH SÁCH	> Chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu tại Công ty theo MM- QT- 02; > Quy trình đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng; > Quy định đảm bảo chất lượng nước đầu vào từ khu công nghiệp QCVN -02- 2009/BYT; > Báo cáo quan trắc chất lượng nước định kỳ và báo cáo đánh giá tác động môi trường; > Chính sách tiết kiệm năng lượng; > Quy định tắt các thiết bị điện khi không sử dụng; > Kế hoạch thực hiện tiết kiệm năng lượng 5 năm; > Chính sách quản lý và xử lý rác thải tại Công ty, quy định tiêu chuẩn chất lượng nước giá trị C, Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT; > Chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS 4.0, luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14;
CAM KẾT	> Ưu tiên nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện từ nhà cung ứng uy tín chất lượng; > Đảm bảo nguồn nước sạch cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt; > Tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên nước thông qua các biện pháp và sáng kiến tiết kiệm nước; > Sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm; Thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; > Tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, góp phần giảm phát thải khí nhà kính CO2; > Quản lý nguồn nước thải và rác thải chặt chẽ, không gây tác động tới môi trường;

MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	> Duy trì sản phẩm một cách ổn định và luôn đạt chất lượng cao, cạnh tranh; > Cung cấp nguồn nước đạt chất lượng phục vụ sản xuất sản phẩm và đảm bảo sức cho khỏe người lao động; > Giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế việc làm trái đất nóng lên, bảo vệ môi trường và tối ưu hóa chi phí;
TRÁCH NHIỆM	> Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	> Ban Điều Hành, phòng thu mua, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận ISO, bộ phận sản xuất, bộ phận tài chính và toàn thể CBCNV Công ty.
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	> Phòng thu mua, Bộ phận Utility, bộ phận Tổng Vụ, Bộ phận sản xuất, Ban an toàn - vệ sinh - lao động.

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-2)

- Trong năm 2021, khối lượng nguyên vật liệu tái chế được sử dụng (PET chip recycle) đã chiếm hơn 46% trong tổng lượng PET chip sử dụng của Công ty, chủ yếu Công ty tập trung phát triển và đẩy mạnh việc kinh doanh sợi tái chế theo nhu cầu của thị trường hướng tận tiêu thụ sản phẩm dệt may thân thiện với môi trường.

□ Lượng nước sử dụng tại công ty có tăng 6% so với năm 2020, chủ yếu Công ty gia tăng sản xuất và bán nhiều loại sợi nhuỷễn và có giá trị gia tăng cao như sợi Recycle.

□ Mức tiêu hao năng lượng trên từng kilogram sợi có giảm với sợi FDY và tăng với sợi DTY so với 2020, chủ yếu Công ty gia tăng sản xuất và bán nhiều loại sợi nhuỷễn và có giá trị gia tăng cao như sợi Recycle.

□ Nguồn năng lượng mặt trời dần tăng công suất và đóng góp tích cực vào tổng năng lượng sử dụng, hướng tới 100% công suất trong năm 2022.

□ Hệ số Cacbon footprint trên từng kg sợi có giảm so với năm 2020.

□ Không có ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ nước thải và rác thải.

□ Các kết quả chỉ số đánh giá quan trắc và tác động tới môi trường của Công ty cũng ghi nhận sự tuân thủ và nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước về môi trường.

Vật liệu (GRI 301)

VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY (GRI 301-1)

> Công ty sử dụng nguồn nguyên, vật liệu đầu vào được nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Đức, Thụy Sĩ với quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng phát thải nhà kính ra môi trường

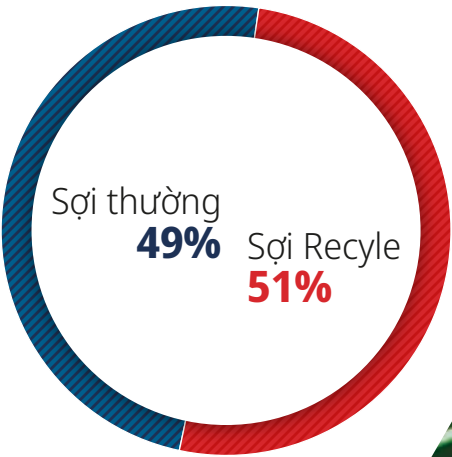
Phân loại vật liệu	Chủng loại Nguyên vật liệu	Nguồn gốc
VẬT LIỆU KHÔNG THỂ TÁI TẠO	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...
	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
VẬT LIỆU CÓ THỂ TÁI TẠO	Ống giấy (tấn)	Việt Nam, Đài Loan
	Thùng Carton	Việt Nam

VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÔNG TY (GRI 301-2)

> Để sản xuất sợi recycle thân thiện với môi trường thì Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là recycle PET chip, tỷ lệ sợi recycle trong tổng doanh thu năm 2021 chiếm khoảng hơn 50%.

> Dây chuyền tái chế sợi phế trong sản xuất thành hạt nhựa tái sinh phục vụ nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty có công suất 1.500 tấn/năm giúp giảm thiểu mạnh mẽ tác động đến môi trường, đồng thời giúp Công ty giảm chi phí sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý. Trong năm 2021, Công ty phối hợp với đơn vị Control Union để tiến hành đánh giá chứng nhận GRS cho quy trình tái chế sợi phế thành hạt rPET chip, nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động tái chế tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn quốc tế hiện hành.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm 2021



SẢN PHẨM ĐƯỢC TÁI SỬ DỤNG VÀ VẬT LIỆU ĐÓNG GÓI SẢN PHẨM (GRI 301-2)

> Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3,6 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

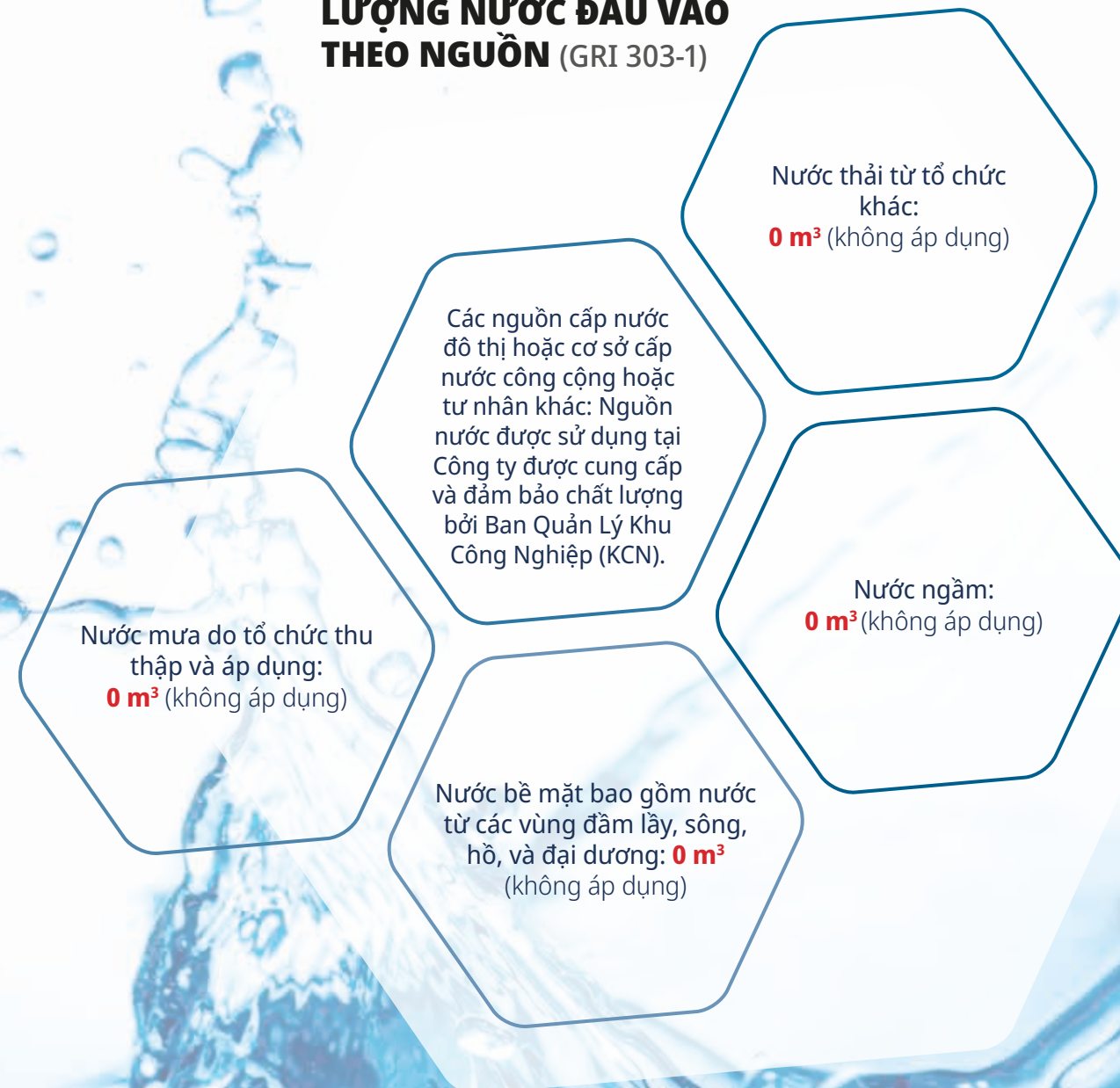
> Trong năm 2021, số lượng ống giấy POY sử dụng là 736.422 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,6 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2021 là:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\ &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\ &= \frac{736.422 \times 3,6}{736.422 \times 3,6 + 9.197.913} = 22\% \end{aligned}$$

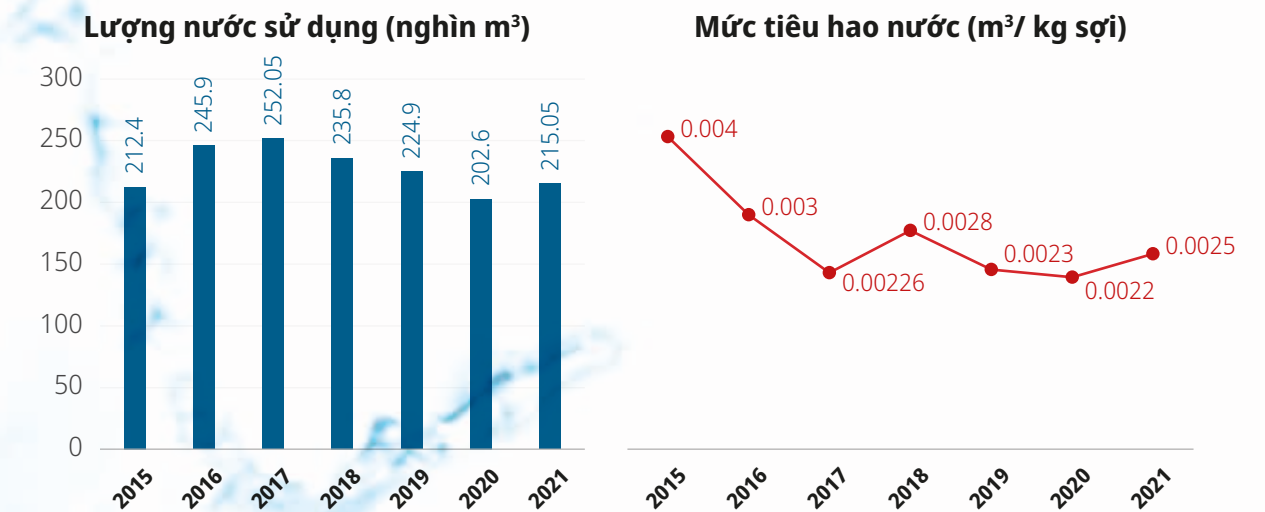
Tỷ lệ sản phẩm thu hồi để tái chế hoặc nguyên vật liệu thu hồi tái chế năm 2021 là **22%**

Nước (GRI 303)

LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)



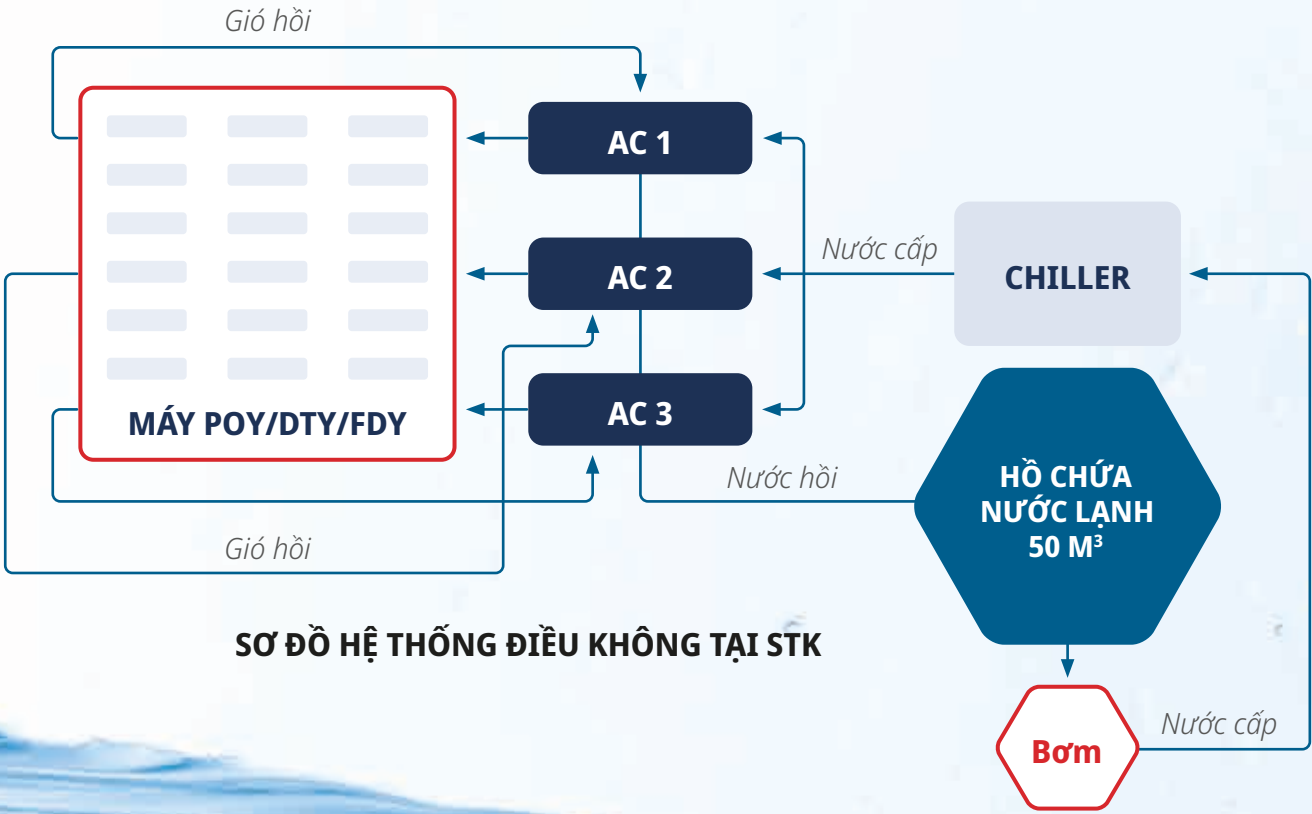
LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)



- > Trong năm 2021, mức tiêu hao nước sử dụng tăng 6% so với năm 2020, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và giãn cách xã hội, Công ty thực hiện "3 tại chỗ" nên số lượng người lao động ở nhà máy sinh hoạt và làm việc đã làm tăng nhu cầu lượng nước sinh hoạt sử dụng. Ngoài ra, với tỷ lệ tái chế sợi phế phẩm thành hạt nhựa PET chip được tăng cao trong 2021, chiếm 97,8% cũng làm cho lượng nước sử dụng tăng lên vì cần sử dụng nước để làm nguội hạt nhựa.
- > Lượng nước tiêu hao trên 1 kg sợi cũng tăng nhẹ so với năm 2020 (0,0022 m³/kg sợi -2020 lên 0,0025 m³/kg -2021). Tuy nhiên, thông qua nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất như duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ tại các tháp giải nhiệt AC của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí hơn 40 triệu đồng/năm.

TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC (GRI 303-3)

Tại STK, Công ty có hệ thống điều không khép kín, nước cấp sau khi đi qua Chiller để đến phòng AC sẽ được hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2.815 m³ nước.



SƠ ĐỒ HỆ THỐNG ĐIỀU KHÔNG TẠI STK

Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} = \frac{5.017}{215.059} \times 100 = 2,3\%$$

Các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước đã thực hiện năm 2021

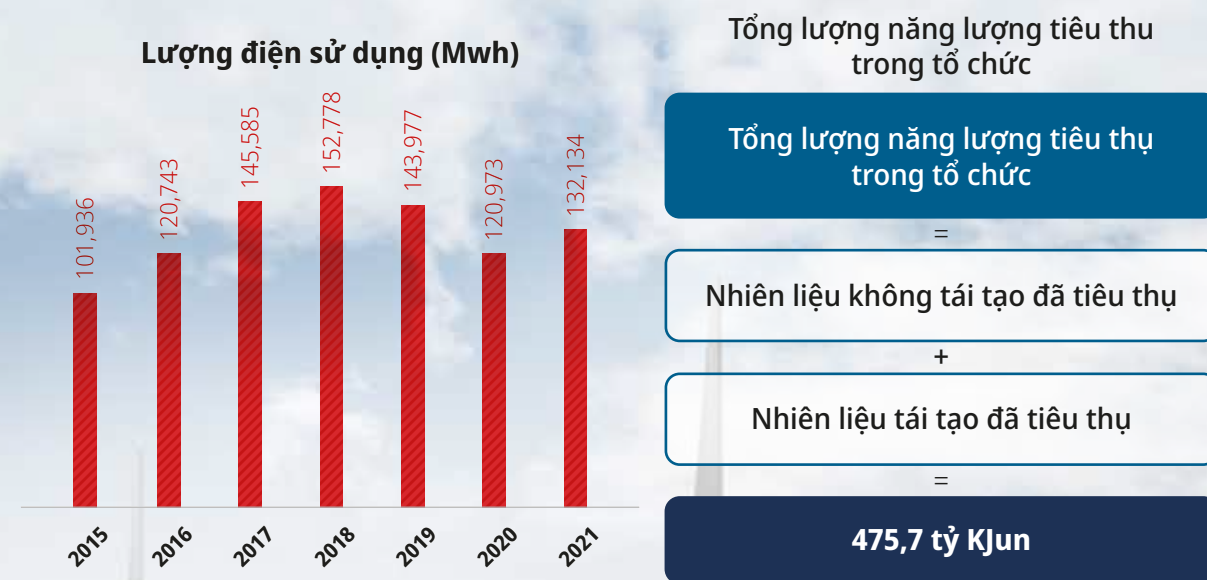
Giải pháp	Hiệu quả
Tại nhà máy Củ Chi: > Duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ AC 1, 2, 4, 5; > Do ảnh hưởng dịch Covid-19;	> Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 2.700 m³ nước tương đương ~27.702.000 VND/năm.
Tại nhà máy Trảng Bàng: Duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ AC 4,5	> Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 2.300 m³ tương đương ~16.000.00 VND/năm

Năng lượng (GRI 302)

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC (GRI 302-1)

- > Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:
 - > Nguồn nhiên liệu không tái tạo: **dầu DO**. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm: **2,2 tấn**.
 - > Nguồn nhiên liệu tái tạo: **điện**;

KHỐI LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ TRONG NĂM 2021



Chú thích:

<https://bachhopsc.com.vn/dac-tinh-co-ban-cua-gas/> (quy đổi 1 kg dầu DO về 1 kcal);

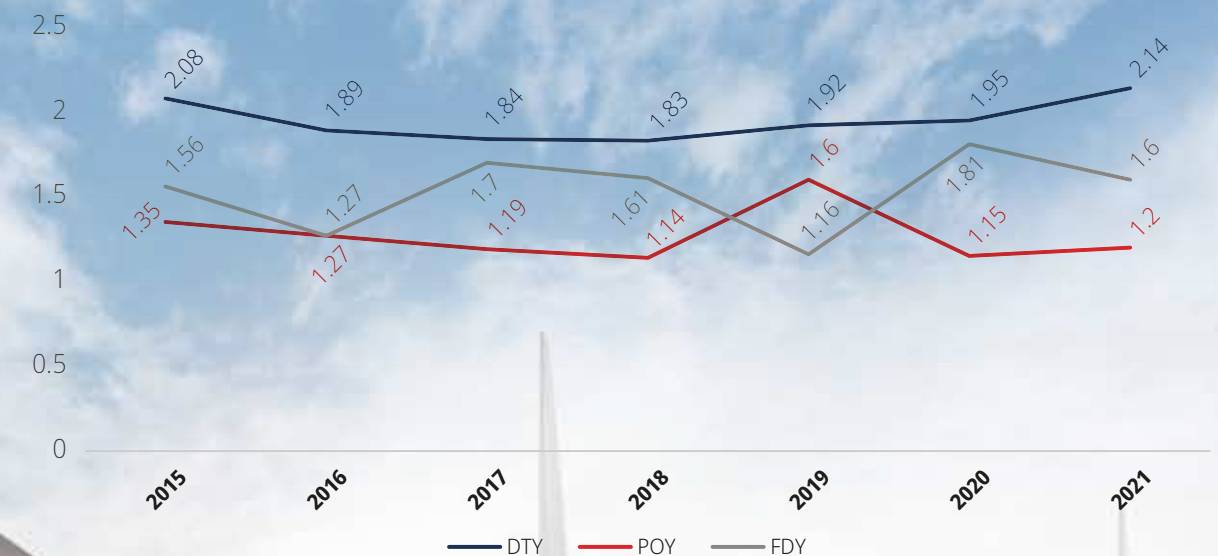
<https://www.convertworld.com/vi/nang-luong/j.html> (quy đổi 1 kcal về 1 kJ);

<http://www.saigonpetro.com.vn/linh-vuc-hoat-dong/95/diezen-do.html>
(khối lượng riêng của dầu DO = 820-860 kg/m³ - QCVN 01:2015/BKHCN).

CƯỜNG ĐỘ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG (GRI 302-3)

- > Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.
- > Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg).

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm:



Lượng điện năng tiêu hao trên 1 kg sợi POY, DTY có tăng cao so với năm 2020, chủ yếu do công ty sản xuất lượng sợi có chất lượng AAA cao hơn và sợi đặc biệt như sợi Recycle. Ngoài ra, trong Q2-Q3.2021 Công ty thực hiện giãn cách xã hội và tham gia 3 tại chỗ nên đã đóng một số line sản xuất tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, tuy nhiên Công ty vẫn ghi nhận chi phí ngưng máy khiến mức tiêu hao điện năng trên 1 kg sợi DTY và có tăng so với năm 2020.

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2022

Trong năm 2022, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

Giải pháp	Hiệu quả
Tại nhà máy Củ Chi: > Thực hiện gắn biến tần cho hệ thống bơm phun sương AC 1,2,3, bơm nước lạnh máy lạnh York. > Gắn biến tần cho quạt thổi AC5.	> Thực hiện tiết kiệm được 38kw/h. > Thực hiện tiết kiệm được 6kw/h.
Tại nhà máy Trảng Bàng: > Gắn inverter phun sương AC 4,5 TB1,2.	> Tiết kiệm 15kw/h
Tại nhà máy Trảng Bàng: > Gắn inverter phun bơm giải nhiệt máy lạnh DTY TB1,2	> Tiết kiệm 18kw/h

Phát thải (GRI 305)

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP TỪ NĂNG LƯỢNG (GRI 305-2)

- > Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.
- > Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.
- > Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - > Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
 - > Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.
 - > Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải

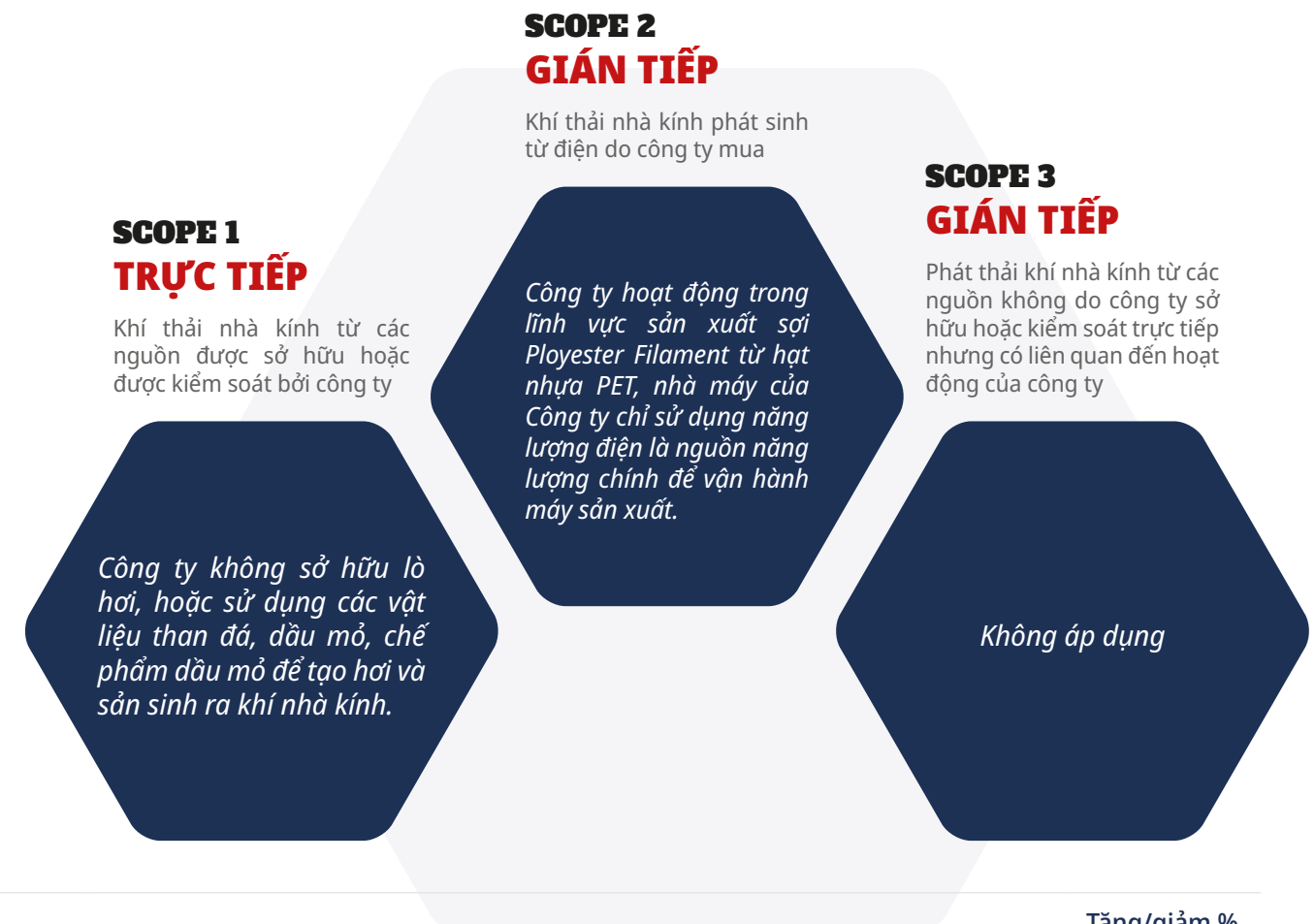
SỐ LIỆU CACBON FOOTPRINT CỦA STK TRONG NĂM 2021 NHƯ SAU:

	Lượng tiêu thụ 2021	Hệ số phát thải CO ₂ (Schneider Electric) ¹	Phát thải 2019	Phát thải 2020	Phát thải 2021	Tăng/giảm % 2021/2020
Điện năng	132.134 MWh/năm	0,432 (tCO ₂ e/MWh)	62.198 (tCO ₂ e/năm)	52.260 (tCO ₂ e/năm)	57.081 (tCO ₂ e/năm)	+9%
<i>Trong đó, phát thải cacbon trên 1kg sợi</i>						
> POY	1,2 kwh/kg	0,432 (kgCO ₂ e/kWh)	0,7 (kgCO ₂ e/kg)	0,5 (kgCO ₂ e/kg)	0,52 (kgCO ₂ e/kg)	+4%
> DTY	2,14 kwh/kg	0,432 (kgCO ₂ e/kWh)	0,8 (kgCO ₂ e/kg)	0,84 (kgCO ₂ e/kg)	0,92 (kgCO ₂ e/kg)	+10%
> FDY	1,6 kwh/kg	0,432 (kgCO ₂ e/kWh)	0,5 (kgCO ₂ e/kg)	0,78 (kgCO ₂ e/kg)	0,69 (kgCO ₂ e/kg)	-12%

Hệ số carbon footprint về điện năng trên từng kg sợi DTY và POY có tăng so với năm 2020 (DTY tăng 10%, POY 4%), chủ yếu do do công ty sản xuất lượng sợi có chất lượng AAA cao hơn và sợi đặc biệt như sợi Recycle. Ngoài ra, trong Q2-Q3.2021 Công ty thực hiện giãn cách xã hội và tham gia 3 tại chỗ nên đã đóng một số line sản xuất tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, tuy nhiên Công ty vẫn ghi nhận chi phí ngưng máy khiến mức tiêu hao điện năng trên 1 kg sợi DTY và có tăng so với năm 2020.

¹ Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric. (<https://www.se.com/ww/en/work/solutions/system/s1/data-center-and-network-systems/trade-off-tools/data-center-carbon-footprint-comparison-calculator/>)

GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRONG TOÀN BỘ CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY



MỤC TIÊU GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CARBON FOOTPRINT

1. THÔNG QUA SỬ DỤNG NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO- NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI:

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 10,5 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn Co2 trong suốt vòng đời dự án.

	Tổng cộng
Từ đầu dự án đến cuối năm 2021	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được-Indefol system	4.489
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	3.400
Từ năm 2022 đến hết vòng đời dự án	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được-Indefol system	525.489
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	398.097
Tổng lượng CO₂ giảm được:	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được-Indefol system	529.978
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	401.497

2. THÔNG QUA MỤC TIÊU NÂNG TỶ TRỌNG SỢI TÁI CHẾ TRONG TỔNG DOANH THU ĐẾN 2025:

Công ty định hướng nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường “sợi Recycle” từ 54,3% vào năm 2022 lên 100% vào năm 2025 (đối với nhà máy hiện hữu ở Củ Chi và Trảng Bàng).

	2022	2025
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	54,3%	100%
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.(*)	48.396	127.872

*Nguồn: Higg MSI Index

Các thông số và kết quả quan trắc khí thải trong năm 2021:

(Xem thêm kết quả quan trắc chất lượng không khí tại [Phụ Lục 1](#))

Nước thải và chất thải (GRI 306)

TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM (GRI 306-1)

	Đvt	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Củ Chi	m ³	11.482	6.137	6.188	6.173	8.304	5.843	8.607
Trảng Bàng 1,2	m ³	14.581	9.462	12.988	11.222	9.496	14.907	11.802
Trảng Bàng 3	m ³	4.431	17.724	12.786	9.537	8.817	13.520	8.224
Tổng cộng	m ³	30.494	33.323	31.961	26.932	26.617	34.269	28.633

Các thông số và kết quả quan trắc nước thải trong năm 2021:

(Xem thêm kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại [Phụ Lục 2](#))

TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ (GRI 306-2)

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu)	18 02 01	1844	Thiêu đốt	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (bình mực máy in, máy fax)	08 02 04	8	Thiêu đốt	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (dầu thải)	17 02 03	30	Thiêu đốt	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	39	PH-HR-C	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Bao bì mềm thải	18 01 01	20	Thiêu đốt	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Tổng số lượng		1.941		

- > Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.
- > Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
 - > Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: **Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên**.
 - > Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Công ty TNHH MTV Thu Gom Rác Hiền Lương**.
- > Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- > Công ty đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

SỰ CỐ TRÀN ĐÁNG KỂ (GRI 306-3)

- > Công ty không ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hóa chất hoặc rò rỉ nước thải trong năm 2021.
- > Công ty tuân thủ việc lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng theo quy định của tiêu chuẩn GRS và luật môi trường hiện hành

VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI (GRI 306-4)

- > Công ty trang bị nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định.
- > Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải.
- > Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (**Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên**) thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này – *Xem thêm mục **Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý (GRI 306-2)**.*

Tuân thủ về môi trường (GRI 307)

KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307-1)

- > Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- > Ban QLKC và cảnh sát môi trường địa phương không ghi nhận trường hợp vi phạm quy định về môi trường.
- > Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: **có 0** trường hợp.

MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2022

- > Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 3,6 lần;
- > Tỷ lệ sử dụng nước tuần hoàn chiếm 2% trên tổng lượng nước sử dụng;
- > Mục tiêu nước sử dụng m³/kg sợi: 0.0023;
- > Tỷ lệ năng lượng tái tạo trên tổng năng lượng sử dụng chiếm 10%;
- > Tỷ lệ sợi recycle đóng góp trên tổng doanh thu chiếm 54,6%;
- > Mục tiêu điện tiêu thụ Kw/kg sợi: POY: 1.26kw/kg sợi; DTY: 1.86 kw/kg sợi; FDY: 1,41 kw/kg sợi
- > Giảm carbon footprint hơn 40.000 tấn từ việc sản xuất sợi tái chế và sử dụng năng lượng tái tạo;
- > Xảy ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra công ty: 0 lần;



PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI – GRI 400



Với các chính sách lao động, nhân sự tốt, hấp dẫn người lao động nên Công ty vẫn duy trì được đủ lao động trong giai đoạn 3 tại chỗ trong thời gian dịch bệnh và tỷ lệ nhân sự quay lại làm việc đạt mức cao sau khi mở cửa lại toàn diện



MỤC TIÊU 2021

- > Đảm bảo chính sách phúc lợi cho người lao động; giảm tỷ lệ biến động nhân sự;
- > Tăng số giờ đào tạo trung bình; xây dựng nhiều chương trình đào tạo nâng cao cho người lao động;
- > Tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động; giảm số vụ tại nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- > Đảm bảo tất cả người lao động được trang bị kiến thức an toàn-vệ sinh-lao động và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;
- > Cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn sức khỏe cho khách hàng;
- > Phát triển cộng đồng địa phương; đảm bảo chống tham nhũng;
- > Tỷ lệ biến động Nhân sự 25%;
- > Tỷ lệ tuyển dụng bất thành 20%;
- > Đáp ứng nhu cầu nhân sự 95%;
- > Quản lý Ngân sách lương 97%;

KẾT QUẢ 2021

- > Tăng lương bình quân hơn 5% cho người lao động; thưởng Tết Nguyên Đán hơn 2,5 tháng lương cho người lao động;
- > Tỷ lệ biến động nhân sự tăng 6,2% so với năm trước; số giờ đào tạo trung bình tăng 10,9% so với năm trước;
- > Tổ chức hơn 40 khóa đào tạo nâng cao tay nghề; tỷ lệ người lao động được đánh giá để phát triển nghề nghiệp 100%;
- > Số vụ tại nạn và bệnh nghề nghiệp: 0 vụ; tỷ lệ người lao động được huấn luyện AT-VS-LĐ: 100%;
- > Kết quả báo cáo đo đạt môi trường lao động đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước;
- > Không có vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ;
- > Số vụ tham nhũng: **0 vụ**;
- > Tỷ lệ biến động Nhân sự **34,19%**;
- > Tỷ lệ tuyển dụng bất thành **25,8%**;
- > Đáp ứng nhu cầu nhân sự **82,63%**;
- > Quản lý Ngân sách lương **95%**;

1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Nhằm duy trì và phát triển các tiêu chí của chính sách tuyển dụng lao động, đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho các hoạt động sản xuất của Công ty. Sợi Thế Kỳ luôn cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển, tạo điều kiện cho người lao động phát triển bản thân và nghề nghiệp; tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế bền vững và các hoạt động đóng góp cho lợi ích của cộng đồng địa phương và xã hội nơi nhà máy hoạt động.

CHÍNH SÁCH	› Chính sách và quy trình tuyển dụng tại Công ty; › Quy chế khen thưởng năm 2021; › Kế hoạch đào tạo năm 2021; › Chính sách an toàn – vệ sinh – lao động theo tiêu chuẩn GRS 4.0; › Quy định về an toàn lao động theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; › Quy trình và chính sách của hệ thống ISO 9001-2015, GRS v4.0, 5s, Reach 168, OEKO – TEX 100; › Chính sách phát triển cộng đồng địa phương theo tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội của GRS v4.0;
CAM KẾT	› Công ty cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển; › Cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn và thoải mái nhất đối với người lao động; › Cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn tuyệt đối đến khách hàng; › Cam kết thực hiện trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương;

MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU	› Duy trì nguồn nhân lực ổn định cho toàn Công ty; › Phát triển nguồn nhân lực ổn định có tay nghề cao; › Giảm thiểu rủi ro về an toàn lao động cho người lao động; › Thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nâng cao uy tín trên thị trường; › Nâng cao mức thu nhập, trình độ dân trí và điều kiện sống của người lao động địa phương;
TRÁCH NHIỆM	› Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành
NGUỒN LỰC	› Ban Điều Hành, phòng nhân sự, bộ phận tuyển dụng, bộ phận đào tạo, cán bộ chuyên trách an toàn- vệ sinh- lao động, mạng lưới vệ sinh viên, công đoàn.
CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	› Phòng nhân sự, Phòng Tổng Quản Lý;

2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-2)

- ❑ Chính sách về lương thưởng, phúc lợi được cải thiện so với năm trước tăng lương bình quân 5% cho người lao động, góp phần khích lệ, nâng cao đời sống của người lao động, tạo cơ hội cho người lao động làm việc cũng như gắn kết được lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.

❑ Tỷ lệ biến động nhân sự năm 2021: 34,19% tăng 6,2% so với 2020 (27,97%), chủ yếu do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19.

❑ Các chương trình/khóa đào tạo mà Công ty đã tổ chức góp phần gia tăng hiệu suất làm việc của người lao động thông qua hoàn thành mục tiêu KPIs chung của Công ty theo kế hoạch đặt ra.

❑ Số vụ tại nạn lao động ghi nhận qua các năm và số giờ làm thêm bình quân của người lao động đều có giảm đáng kể;

❑ Các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và địa phương còn được đẩy mạnh hơn thông qua hoạt động tài trợ cho các quỹ học bổng tại các trường học địa phương và tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn cho người lao động địa phương từ các dự án mới của Công ty.

Việc làm (GRI 401)

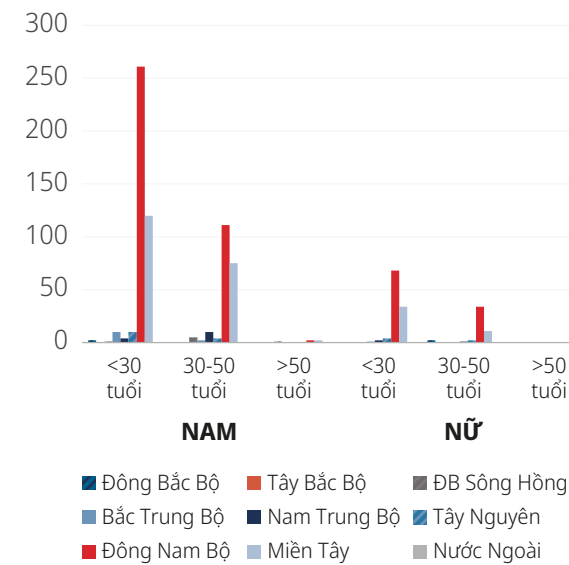
SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC (GRI 401-1)

Thông tin tổng quan về lao động chính thức đến hết 31/12/2021:

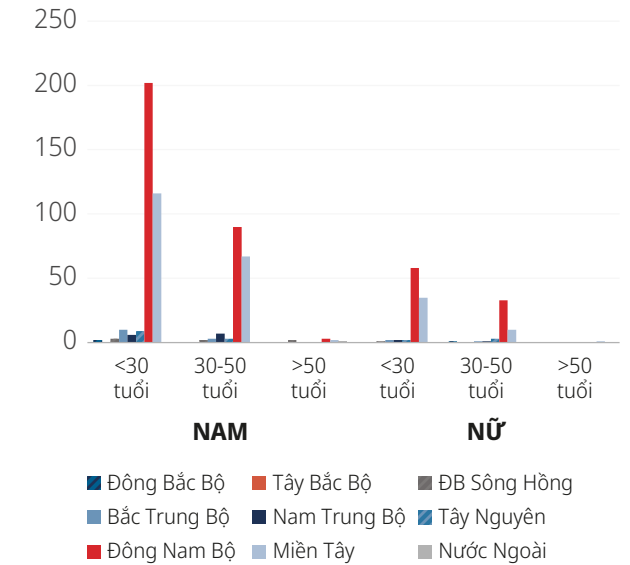
927
nhân viên



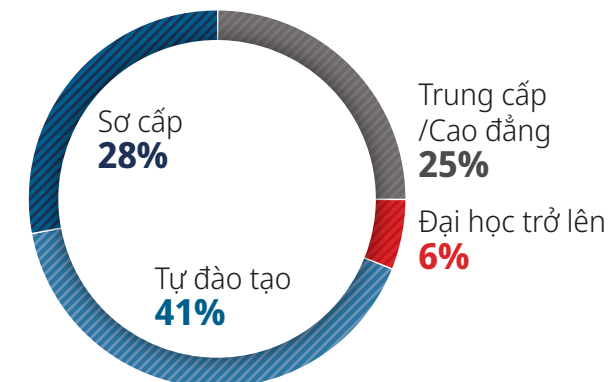
Tổng số lượng nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo



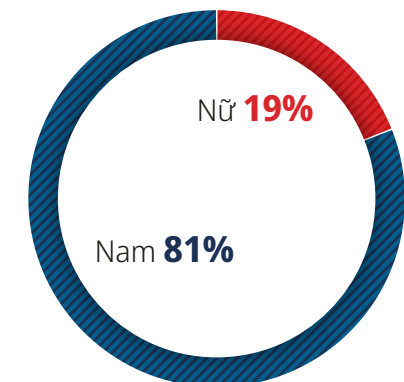
Tổng số lượng nhân viên nghỉ việc trong kỳ báo cáo



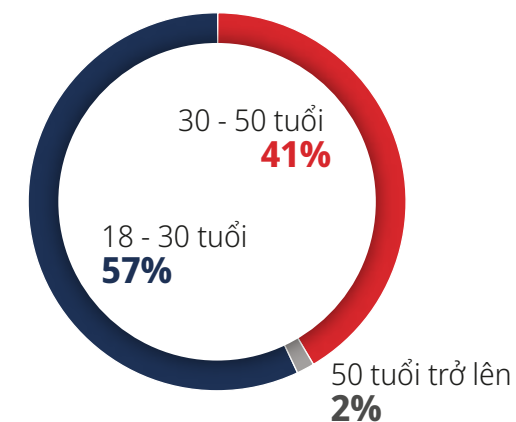
Trình độ



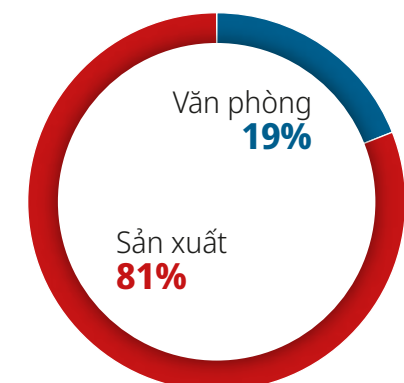
Giới tính



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



Cơ cấu nhân sự theo khối chức năng



PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN (GRI 401-2)

CHÍNH SÁCH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC

- > Công ty không sử dụng lao động bán thời gian và lao động tạm thời.
- > Công ty cam kết tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được hưởng chính sách phúc lợi theo đúng quy định của Công ty.
- > Giờ làm việc tại Công ty được đảm bảo là 08 giờ/ ngày, 06 ngày/ tuần, khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7.
- > Do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca
- > Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

- > Hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV, ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên.
- > Đãi thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...
- > Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp.
- > Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn công ty.
- > Du lịch và nghỉ mát định kỳ cho tất cả CBCNV.

CHÍNH SÁCH VỀ THƯỞNG

- > Theo quy chế thưởng, Công ty có các loại tiền thưởng như sau:
 - > Thưởng tác nghiệp viên;
 - > Thưởng chấp hành nội quy;
 - > Thưởng hoàn thành nhiệm vụ;
 - > Thưởng bậc tay nghề;
 - > Thưởng theo doanh số bán hàng;
 - > Thưởng hiệu quả mua hàng;
 - > Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng;
 - > Thưởng các ngày Lễ;
- > Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB-CNV:
 - > Thưởng Tết;
 - > Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm;

CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM

- > Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là **100%**.
- > Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG CƠ BẢN

- > Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.
- > Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.
- > Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.
- > Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

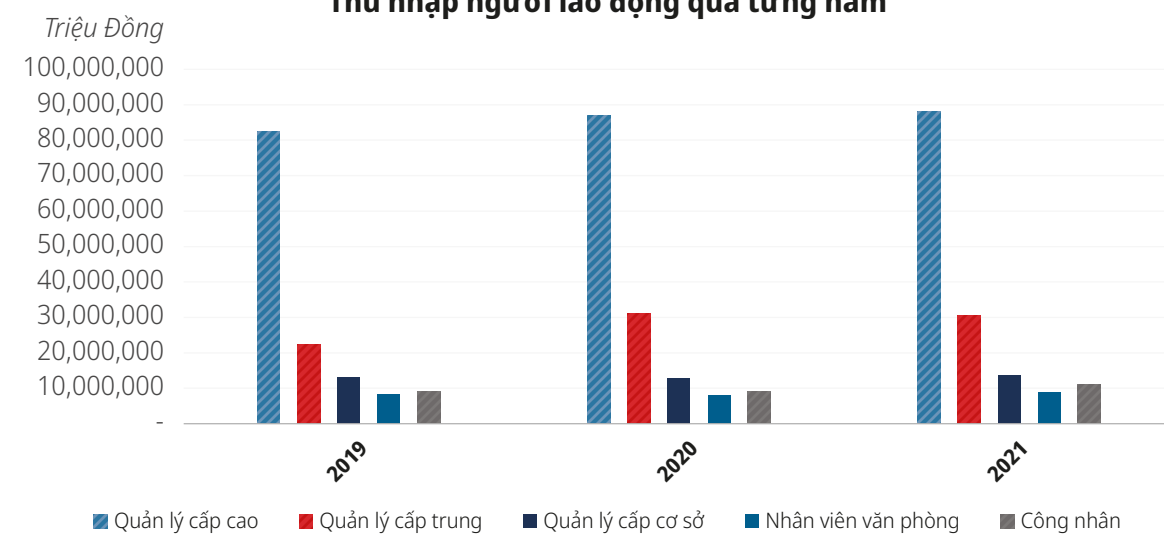
LƯƠNG THỰC LÃNH

- > Khối văn phòng: Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.
- > Khối sản xuất: Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.





Thu nhập người lao động qua từng năm



Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối sản xuất tại doanh nghiệp trong 2021 có sự tăng trưởng bình quân 22,5% so với năm 2020, chủ yếu do chính sách tăng lương thưởng của ban lãnh đạo Công ty dành cho người lao động đặc biệt là khối trực tiếp sản xuất.

NGHỈ THAI SẢN (GRI 401-3)

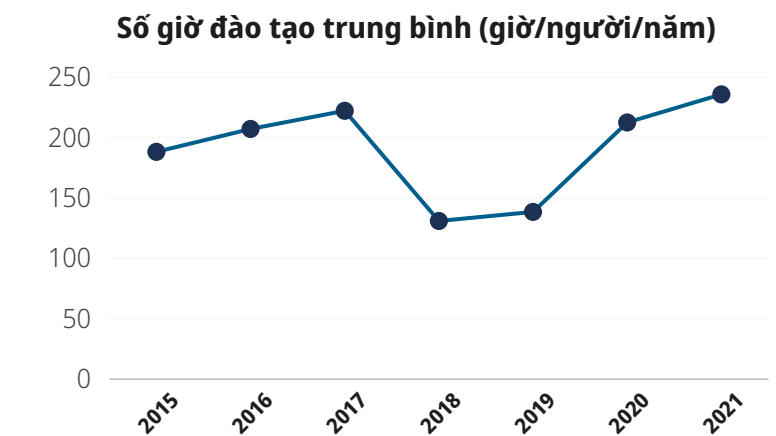
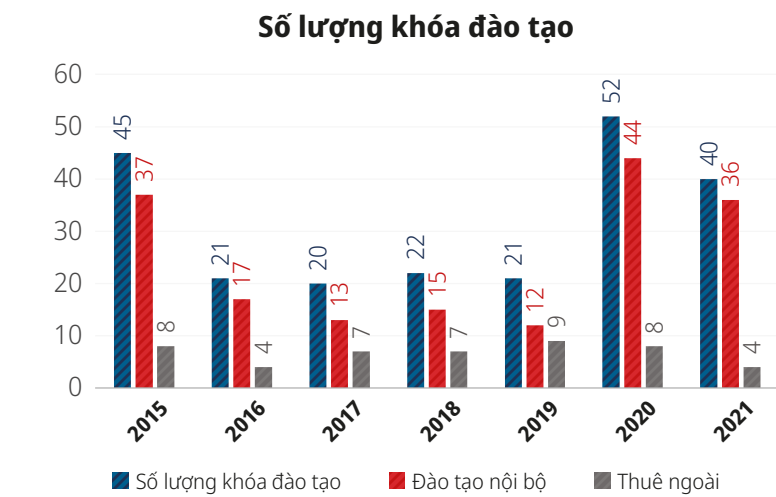
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	Nam	
	Nữ	10
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	Nam	
	Nữ	10
Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	Nam	
	Nữ	10
Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng	Nam	
	Nữ	10
Tỷ lệ quay lại làm việc	Nam	
	Nữ	100%
Tỷ lệ giữ chân nhân viên	Nam	
	Nữ	100%



Giáo dục và đào tạo (GRI 305)

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN (GRI 404-1)

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:



CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYÊN TIẾP (GRI 404-2)

Công ty tổ chức các chương trình đào tạo với khung nội dung liên quan đến kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/ LEAN/SAP/ POC, an toàn lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.

Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ và thuê ngoài

Ngoài các nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm, trong năm 2021 Công ty đã đưa vào những chương trình đào tạo đặc biệt như sau:

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						LOẠI	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân			
			SL	TG	SL	TG	SL	TG	NB	TN
Đào tạo tay nghề người mới khối sản xuất	Sản xuất	332.8					720	239616	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - SX POY	Sản xuất	0.33					107	35.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - SX POY		0.33					107	35.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - SX POY		0.33					107	35.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S SX POY		0.25					107	26.8	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP SX POY		0.25					107	26.8	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - SX DTY	Sản xuất	0.33					359	119.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - SX DTY		0.33					359	119.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - SX DTY		0.33					359	119.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S SX DTY		0.25					359	89.8	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP SX DTY		0.25					359	89.8	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - QLCL	QC	0.33					242	80.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - QLCL		0.33					242	80.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - QLCL		0.33					242	80.7	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S QLCL		0.25					242	60.5	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP QLCL		0.25					242	60.5	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - Điện	Điện	0.33					6	2.0	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - Điện		0.33					6	2.0	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - Điện		0.33					6	2.0	1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S - Điện		0.25					6	1.5	1	
Đào tạo các Quy định về TTSP - Điện		0.25					6	1.5	1	

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)						LOẠI	
			Quản lý		Nhân viên VP		Công nhân			
			SL	TG	SL	TG	SL	TG	NB	TN
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLĐ theo SOP - VP	Văn phòng	0.33	13	4.3	112	37.3			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - VP		0.33	13	4.3	112	37.3			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nô theo SOP - VP		0.33	13	4.3	112	37.3			1	
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S VP		0.25	13	3.25	112	28			1	
Đào tạo các Quy định về TTSP VP		0.25	13	3.25	112	28			1	
Đào tạo NQCT cho người mới	Công ty	0.5	22	11	132	66	845	422.5	1	
Tái đào tạo lỗi hàng tháng	Sản xuất	0.5					483.0	241.5	1	
Chính sách xã hội	Công ty	0.25			178	44.5	829	207.25	1	
Huấn luyện PCCC	Công ty	16					90	1440		1
Huấn luyện Sơ cấp cứu	Công ty	4					90	360		1
Đào tạo về An toàn hóa chất	Công ty	16					30	480	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm ĐM DTY TB2	Công ty	96					33	3168	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm ĐG	Công ty	56					20	1120	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm dệt	Công ty	80					1	80	1	
Đào tạo nâng cao, đa tay nghề nhóm ĐM DTY TB3	Công ty	96					1	96	1	
Đào tạo quy trình sản xuất POY	Kinh doanh	1.5			21	31.5		0	1	
Đào tạo quy trình sản xuất DTY	Kinh doanh	1.5			21	31.5		0	1	
Về tổ chức Khóa học chuyên sâu “Quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) – Kiến thức cơ bản và nâng cao”	Kinh doanh	8			2	16				1
Khóa học kế toán cấp tốc	IT	8			2	16				1
Tổng thời gian đào tạo			30.5		373.5		248,302		36	4

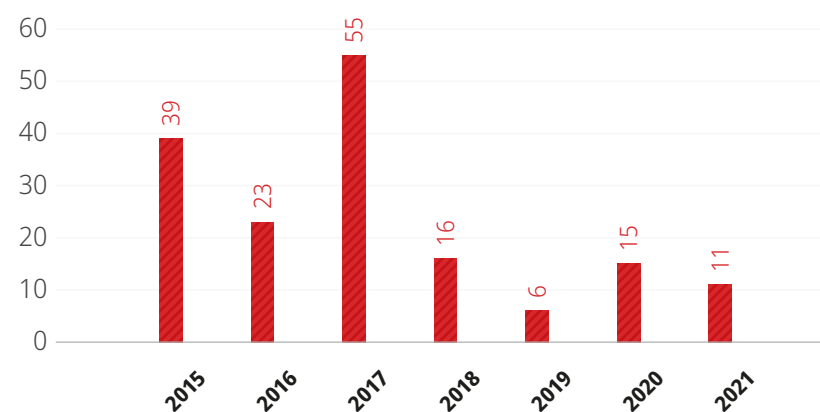
TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP (GRI 404-3)

Về chính sách đề bạt:

- > Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách đề bạt, bộ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.
- > Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.
- > Trong năm 2021 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là **11** người với nam và 2 nữ.

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: 100% (nam: 100%, nữ: 100%)

Số lượng nhân viên được đề bạt qua các năm



An toàn và sức khỏe nghề nghiệp phòng chống dịch covid-19 (GRI 403)

ĐẢM BẢO AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 (GRI 404-1)

Trong 2021, nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động làm việc trong Công ty và ngăn ngừa lây nhiễm dịch bệnh Covid -19 trong cộng đồng, Công ty đã áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt tại nhà máy để đảm bảo an toàn cho toàn thể CBCNV:

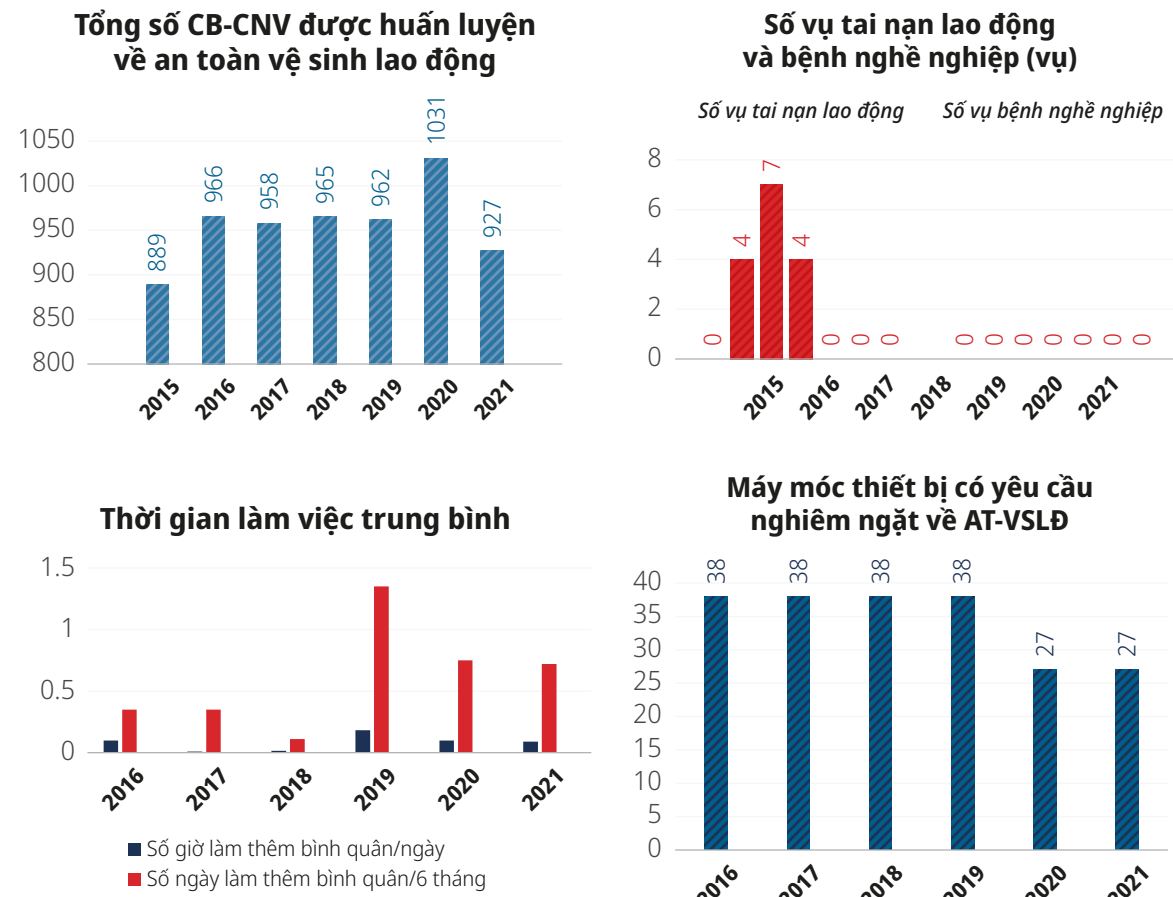


- > Tham mô hình 3 tại chỗ tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng trong giai đoạn giãn cách xã hội;
- > Yêu cầu 100% người lao động luôn đeo khẩu trang và sử dụng nước rửa tay sát khuẩn;
- > Kiểm tra thân nhiệt 3 lần ngày cho toàn thể CBCNV khi vào công ty làm việc;
- > Khai báo y tế và dùng ứng dụng Blue zone để kịp thời phát hiện nguy cơ truyền nhiễm;
- > Giãn cách và phân cách vách ngăn không gian chỗ ngồi làm việc và tại nhà ăn Công ty;
- > Luôn phiên thời gian nghỉ trưa và ăn cơm cho toàn thể CBCNV, hạn chế tụ tập;
- > Nghỉ luân phiên để giảm nguy cơ tiếp xúc và truyền nhiễm;
- > Phun khử trùng và sát khuẩn thường xuyên tại Công ty;
- > Thực hiện họp online để giảm nguy cơ tụ tập;

ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC LIÊN ỦY BAN AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP CHÍNH THỨC GIỮA BAN LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 403-1)

- > Ban an toàn - vệ sinh - lao động của Công ty bao gồm cán bộ chuyên trách an toàn - vệ sinh - lao động và mạng lưới vệ sinh viên.
- > Ban an toàn - vệ sinh - lao động có nhiệm vụ đảm bảo các công tác an toàn - vệ sinh - lao động tại Công ty tuân thủ theo các quy định và chính sách an toàn lao động.
- > Định kỳ ban an toàn - vệ sinh - lao động sẽ tổ chức các khóa tập huấn và tuyên truyền về an toàn tại nơi làm việc, diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập báo cáo công tác an toàn - lao động tại Công ty và gửi về Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội TPHCM và Tây Ninh, nhằm báo cáo các hoạt động an toàn lao động và số trường hợp bị tai nạn lao động tại Công ty.
- o **Mạng lưới an toàn vệ sinh viên:** 31 người (nam: 28 người, nữ: 3 người)
- o Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động: **100%**

LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÀY CÔNG BỊ MẤT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC (GRI 403-2)



Số lượng máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ năm 2021 không thay đổi so với 2020, Công ty không bổ sung mới các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về quản lý ATVSLĐ trong năm 2021. Trong đó:

Số vụ tại nạn lao động 2021		Loại thương tích, tỷ lệ thương tích	Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp	Tỷ lệ ngày công bị mất	Tỷ lệ vắng mặt	Tử vong liên quan đến công việc
0 vụ	Nam	Không có	0%	0%	0%	0
	Nữ	Không có	0%	0%	0%	0

(Dựa theo báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp năm 2021 gửi Sở lao động-Thương binh và Xã hội TP.HCM và Tây Ninh-ngày 31-12-2021)

ĐO KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

- > STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- > Năm 2021, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

Phương pháp đo kiểm môi trường: Thực hiện đo đạt các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường – nhà xuất bản Y học năm 2002.

Tiêu chuẩn áp dụng:

- > Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT
- > Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009- vi khí hậu nơi làm việc
- > Tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT

Kết quả đo kiểm môi trường lao động Công ty 2021 ghi nhận:

(Xem thêm *kết quả đo kiểm môi trường lao động - nồng độ bụi - vi khí hậu- ánh sáng - tiếng ồn - hơi khí độc tại phụ lục 3*)

CÁC CHỦ ĐỀ VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG THỎA THUẬN CHÍNH THỨC VỚI CÔNG ĐOÀN (GRI 403-4)

- > Trong thỏa ước lao động tập thể, Công ty có 11% các đề mục đề cập đến sức khỏe và an toàn lao động trên tổng số các đề mục được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

An toàn và sức khỏe khách hàng (GRI 416)

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC LOẠI SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-1)

STK cam kết mang lại những sản phẩm chất lượng cao được thể hiện qua quy trình hoạt động chặt chẽ từ khâu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, quản lý quá trình sản xuất, cho đến quá trình tái kiểm tra sản phẩm để đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đúng theo yêu cầu đơn đặt hàng.

CÔNG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở CÁC BỘ PHẬN SAU

BỘ PHẬN THU MUA

Loại trừ các NVL dị thường trước khi sản xuất, đánh giá chất lượng NVL trong quá trình sản xuất để kiến nghị nhà cung cấp xử lý các khuyết điểm nhỏ nhằm mang lại sự ổn định cho NVL cũng như là chất lượng sản phẩm, Bên cạnh đó, bộ phận thu mua còn phải đảm bảo NVL được mua phải tuân thủ theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS).

ĐỐI VỚI NHÀ MÁY, CƠ ĐIỆN, BẢO TRÌ

Thực hiện kiểm soát chất lượng công việc và sản phẩm trong quá trình sản xuất để nhận dạng lỗi nhằm loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng.

BỘ PHẬN KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

(QC - Quality Control) gồm hơn 200 nhân viên thực hiện kiểm tra chất lượng 100% cho bán thành phẩm POY và các sản phẩm cuối cùng như DTY và FDY. Ngoài ra bộ phận này còn chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số kỹ thuật của máy móc.

THÔNG QUA CÁC HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG KHÁC



Tỷ lệ phần trăm các loại sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng đã được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn để cải thiện: 100% các sản phẩm đều được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn.

CÁC VỤ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ LIÊN QUAN ĐẾN TÁC ĐỘNG SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-2)

Trong năm 2020, các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ:

1. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến phạt tiền hoặc xử phạt: không có;
2. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến bị cảnh cáo: không có;
3. Các vụ việc không tuân thủ bộ luật tự nguyện: không có;



Cộng đồng địa phương (GRI 413)

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN (GRI 413-1)

1. Các đánh giá tác động xã hội, bao gồm đánh giá tác động về giới tính, dựa trên quy trình có sự tham gia của cộng đồng:

> Người lao động địa phương được tham gia đối thoại định kỳ hàng quý tại Công ty.

2. Các đánh giá tác động môi trường và theo dõi liên tục:

> Định kỳ Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp tiến hành kiểm tra và đánh giá tác động môi trường của Công ty.

> Công ty chủ động thực hiện báo cáo quan trắc môi trường để đảm bảo các hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình không gây tác động đến môi trường và cộng đồng địa phương.

3. Công bố thông tin công khai về các kết quả đánh giá tác động môi trường và xã hội:

> Các báo cáo và thông tin tác động về môi trường và xã hội đều được công bố minh bạch thông qua website Công ty ở mục phát triển bền vững.

> Các thông tin và đánh giá tác động về môi trường còn được trình bày trong báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, được công bố đến các bên liên quan.

4. Các quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại chính thức cho cộng đồng địa phương:

> Tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan trong đó có cộng đồng địa phương thông qua email và số điện thoại Công ty được công khai trên website Công ty.

5. Tuân thủ và ủng hộ chủ trương của nhà nước

> Công ty cam kết và nghiêm túc thực hiện các chính sách và quy định của pháp luật ban hành, luôn tôn trọng và tuân thủ chủ trương của nhà nước đề ra.

> Đồng thời, TGD là người đại diện cao nhất của Công ty cam kết luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách xã hội, pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn khác trong doanh nghiệp, cụ thể:

> Cam kết thực hiện chính sách lao động tự nguyện, không đặt cọc, thế chân;

> Cam kết thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em;

> Cam kết thực hiện chính sách tự do thành lập hiệp hội và Thương lượng tập thể;

> Cam kết thực hiện chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối tình dục và lạm dụng;

> Cam kết chính sách về sức khỏe và an toàn lao động;

> Cam kết thực hiện chính sách về lương-thưởng theo đúng quy định của luật pháp;

> Cam kết về chính sách về giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi,

CHỐNG THAM NHŨNG - HỐI LỘ

> Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc.

> Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động.

> Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC THỰC TẾ ĐÁNG KỂ TỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

> Công ty cam kết không có các tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương và địa bàn nơi Công ty đang hoạt động



Văn hóa và truyền thống tại STK

Đánh giá kết quả 2021

- > Do dịch bệnh Covid-19 nên Công ty đã hoãn lại chương trình tôn chỉ và thuyết trình sách hàng tuần;
- > Công ty bắt đầu thực hiện lại chương trình tôn chỉ và thuyết trình sách từ đầu năm 2022 khi tình hình dịch bệnh ổn định hơn;

Quy chuẩn văn hóa doanh nghiệp

Mục tiêu

- > Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn đang làm việc tại Công ty;
- > Giúp đỡ và hỗ trợ các đồng nghiệp;

Kết quả 2021

- > Tặng quà cho nhân viên có hoàn cảnh khó khăn: 310 phần quà;

Trong năm 2021, Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp với tổ chức Công đoàn Công ty thực hiện các chương trình thiết thực quan tâm đến đời sống nhân viên như: chương trình trao tặng quà cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp lễ/tết với hơn 310 phần quà tết.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG-XÃ HỘI NĂM 2022

- > Tỷ lệ biến động Nhân sự 25%;
- > Tỷ lệ tuyển dụng bất thành 20%;
- > Đáp ứng nhu cầu nhân sự 95%;
- > Quản lý Ngân sách lương 97%;
- > Tăng lương bình quân hơn 5% cho người lao động;

Các dự án xanh tại công ty

DỰ ÁN SỢI TÁI CHẾ

STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Trong năm 2021, tỷ trọng sợi recycel trên doanh thu đạt 50%, vượt 6,3% so với 2020 (44,7%). Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 3,04 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu.

DỰ ÁN TÁI CHẾ SỢI PHẾ

Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.

DỰ ÁN SỢI MÀU

Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.

DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO₂ trong suốt vòng đời dự án.

Danh mục từ viết tắt

BHXX	BẢO HIỂM XÃ HỘI
BHYT	BẢO HIỂM Y TẾ
BKS	BAN KIỂM SOÁT
BTNMT	BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
CBCNV	CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN
CC	CỦ CHI
TB	TRẢNG BÀNG
CTCP	CÔNG TY CỔ PHẦN
AT-VS-LĐ	AN TOÀN, VỆ SINH, LAO ĐỘNG
DTY	SỢI XƠ DÀI
FDY	SỢI KÉO DUỐI HOÀN TOÀN,
FTA	HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
GTGT	GIÁ TRỊ GIA TĂNG
HĐQT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
INVERTER	MÁY BIẾN ÁP
KCN	KHU CÔNG NGHIỆP
LEAN	SẢN XUẤT TỊNH GỌN
POY	SỢI NGUYÊN LIỆU
QCVN	QUY CHUẨN VIỆT NAM
QĐ-BYT	QUY ĐỊNH BỘ Y TẾ
SPINNING	MÁY KÉO SỢI
SSR	ĐIỆN TRỞ

STK, CENTURY	CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ
SXKD	SẢN XUẤT KINH DOANH
TB	TRẢNG BÀNG
TCVN	TIÊU CHUẨN VIỆT NAM
TCVS	TIÊU CHUẨN VỆ SINH
TCVSLĐ	TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG
TGD	TỔNG GIÁM ĐỐC
BOD	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BOS	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TNCN	THU NHẬP CÁ NHÂN
TNDN	THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TNNH	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DOPE DYE	SỢI MÀU
CARBON FOOTPRINT	PHÁT THẢI KHÍ CO ₂
WINDER	MÁY CUỐN SỢI
SGDCK	SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
HOSE	SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM
QC	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
SOP	QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG CHUẨN
PDCA	CHU TRÌNH CẢI TIẾN LIÊN TỤC
ESOP	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI

BẢNG THAM CHIẾU **CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO** **VỚI TIÊU CHUẨN GRI** **(GRI 102-55)**

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI		
GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG		
HỒ SƠ TỔ CHỨC		
102-1	Tên Tổ chức	
102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	
102-3	Địa điểm của trụ sở chính	
102-4	Các địa điểm hoạt động	
102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	
102-6	Các thị trường phục vụ	
102-7	Quy mô của tổ chức	
102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	
102-9	Chuỗi cung ứng	
102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức	
102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	
102-12	Các sáng kiến bên ngoài	
102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	
CHIẾN LƯỢC		
102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	Thông điệp TGD
102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	
ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC		
102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	
102-17	Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức	
QUẢN TRỊ		
102-18	Cơ cấu quản trị	
102-19	Phân cấp thẩm quyền	
102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	
102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	
102-24	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	
102-25	Xung đột lợi ích	
102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	
102-27	Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	
102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	
102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	
102-30	Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro	
102-31	Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	
102-33	Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách	
102-34	Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách	
102-35	Chính sách về thù lao	
102-36	Quy trình xác định mức thù lao	
102-37	Sự tham gia của bên liên quan vào việc xác định thù lao	
102-38	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	
102-39	Tỷ lệ của phần trăm gia tăng trong tổng thù lao hàng năm	
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN		
102-40	Danh sách các nhóm liên quan	
102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	
102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	
102-43	Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	
102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
THÔNG LỆ BÁO CÁO		
102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	
102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	
102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	
102-48	Trình bày lại thông tin	
102-49	Các thay đổi trong báo cáo	
102-50	Kỳ báo cáo	
102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	
102-52	Chu kỳ báo cáo	
102-53	Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo	
102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI	
102-55	Mục lục GRI	
102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	
GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ		
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề	
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ		
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	
GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP		
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 204: THÔNG LỆ MUA SẴM		
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	
GRI 205: CHỐNG THAM NHƯNG		
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và hành động đã thực hiện	
GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH		
206-1	Hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG		
GRI 301: VẬT LIỆU		
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	
301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng	
GRI 303: NƯỚC		
303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	
303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	
303-3	Tuần hoàn và tái sử dụng nước	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC		
304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	
304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	
304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	
304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	
GRI 305: PHÁT THẢI		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	
305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	<i>Không áp dụng</i>
305-7	Nitrogen oxides (NOx) sulfur oxides (SOx), và các phát thải khí đáng kể khác	
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI		
306-1	Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm	
306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	
306-3	Sự cố tràn đáng kể	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại	
306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi việc thải nước và/hoặc dòng nước thải	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG		
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG		
308-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI		
GRI 401: VIỆC LÀM		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	
GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ		
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	<i>Công ty cam kết thời gian thông báo theo quy định của luật lao động</i>
GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	
403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	
403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	<i>Không có</i>
403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên	
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ		
407-1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM		
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	<i>Công ty cam kết không sử dụng lao động <18 tuổi, 101</i>
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC		
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA		
411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
GRI 412: ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI		
412-1	Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động	
412-2	Đào tạo nhân viên về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	
412-3	Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền của con người	
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	
413-2	Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>

TIÊU CHUẨN	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 414: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI		
414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về xã hội	
414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung cứng và các hành động đã thực hiện	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG		
416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	<i>Không có trường hợp ghi nhận-86</i>
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU		
417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	
417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG		
418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI		
419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	<i>Không có trường hợp ghi nhận</i>

Phụ lục 1:
Kết quả quan trắc không khí tại Công ty

Các thông số và kết quả quan trắc chất lượng không khí:

KHU VỰC CỔNG CÔNG TY					
STT	Thông số	QCVN 05:2009/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT	Đơn vị	2021
A CỬ CHI					
1	Nhiệt độ	-		°C	30.7
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	65.5
3	Bụi	0.3		mg/m ³	0.21
4	NO ₂	0.2		mg/m ³	0.062
5	SO ₂	0.35		mg/m ³	0.049
6	CO	30		mg/m ³	6.51
B TRẢNG BÀNG 1,2					
1	Nhiệt độ	-		°C	30.2
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	61.5
3	Bụi	0.3		mg/m ³	0.18
4	NO ₂	0.2		mg/m ³	0.061
5	SO ₂	0.35		mg/m ³	0.077
6	CO	30		mg/m ³	6.4
B TRẢNG BÀNG 3					
1	Nhiệt độ	-		°C	30.7
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	66.3
3	Bụi	0.3		mg/m ³	0.2
4	NO ₂	0.2		mg/m ³	0.073
5	SO ₂	0.35		mg/m ³	0.084
6	CO	30		mg/m ³	6.2

➡ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực cổng Công ty đều đạt tiêu chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT					
STT	Thông số	TCVS 3733/2002/QĐ-BYT	Đơn vị	2021	
				Xưởng POY	Xưởng DTY
CỦ CHI					
1	Nhiệt độ	≤32	°C	31.6	31.1
				31.5	30.9
2	Độ ồn	≤85	dBA	82.3	83.1
				83.7	83.8
3	Bụi	8	mg/m³	0.17	0.18
				0.18	0.19
4	NO ₂	10	mg/m³	0.112	0.101
				0.120	0.113
5	SO ₂	10	mg/m³	0.085	0.104
				0.090	0.109
6	CO	40	mg/m³	6.7	6.45
				6.5	6.34
7	VOC	-	mg/m³	<0,002	<0,002
				<0,002	<0,002
TRẢNG BÀNG 1,2					
1	Nhiệt độ	≤32	°C	30.4	29.4
2	Độ ồn	≤85	dBA	84.5	83.6
3	Bụi	8	mg/m³	0.16	0.14
4	NO ₂	10	mg/m³	0.070	0.078
5	SO ₂	10	mg/m³	0.088	0.085
6	CO	40	mg/m³	6.34	6.76
7	VOC	-	mg/m³	<0,002	<0,002
TRẢNG BÀNG 3					
1	Nhiệt độ	≤32	°C	31.2	31.6
2	Độ ồn	≤85	dBA	83.9	84.1
3	Bụi	8	mg/m³	0.15	0.14
4	NO ₂	10	mg/m³	0.070	0.065
5	SO ₂	10	mg/m³	0.085	0.079
6	CO	40	mg/m³	6.12	6.24
7	VOC	-	mg/m³	<0,002	<0,002

➡ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực sản xuất đều đạt tiêu chuẩn TCVS 3733/2002/QĐ-BYT.

Phụ lục 2:
Kết quả quan trắc chất lượng nước thải
Công ty 2021

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT	Đơn vị	Nước thải hệ thống sau xử lý
CỦ CHI				
1	pH	5-9	-	6.4
2	BOD5	50	mg/l	21.7
3	COD	150	mg/l	65.5
4	TSS	100	mg/l	22
5	Đồng (Cu)	2		KHP (LOD=0.05)
6	Tổng N	40	mg/l	30
7	Tổng P	6	mg/l	1.21
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	4000

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT	Đơn vị	Nước thải hệ thống sau xử lý
TRẢNG BÀNG 1,2				
1	pH	5-9	-	6.4
2	BOD5	50	mg/l	33.8
3	COD	150	mg/l	86.7
4	TSS	100	mg/l	16
5	Đồng (Cu)			KHP (LOD=0.05)
6	Tổng N	40	mg/l	6.3
7	Tổng P	6	mg/l	1.21
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	3900
TRẢNG BÀNG 3				
1	pH	5-9	-	6.8
2	BOD5	50	mg/l	31.4
3	COD	150	mg/l	80.5
4	TSS	100	mg/l	21
5	Đồng (Cu)			KHP (LOD=0.05)
6	Tổng N	40	mg/l	29.8
7	Tổng P	6	mg/l	2.77
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	3400

➔ Kết quả tham số đo phân tích nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN là hoàn toàn đạt tiêu chuẩn.

Phụ lục 3:
Kết quả đo kiểm môi trường lao động
Công ty 2021 – nồng độ bụi - vi khí hậu -
ánh sáng - tiếng ồn-hơi khí độc

Nồng độ bụi

NỒNG ĐỘ BỤI TRONG KHÔNG KHÍ									
STT	VỊ TRÍ ĐO	Bụi toàn phần (mg/m3)							
		CỦ CHI		TRẢNG BÀNG 1,2		TRẢNG BÀNG 3		TRẢNG BÀNG 5	
		Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ
Nhà máy DTY KV 1									
1	KV đầu xưởng	1.037		1.165		1.216		1.233	
3	KV cuối xưởng	0.995		1.139		1.182		1.258	
4	Nhà máy DTY KV 2								
5	KV đầu xưởng	1.063							
6	KV giữa xưởng	1.088							
7	KV cuối xưởng	1.020							
8	KV giữa xưởng Winder	1.190		1.105		1.224			
9	KV giữa xưởng Spinning	1.230		1.122		1.120			
10	KV kiểm phẩm							1.290	
11	KV đóng gói							0.935	
12	KV thành phẩm								
13	KV tái chế							0.986	
TỔNG CỘNG		07		04		04		05	
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT) Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic			4,0						

Vi khí hậu

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
Mùa thời điểm đo: 8h30								
CỦ CHI								
	Ngoài trời		29.7		53.6		0.3-0.5	
Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng		31.6		56.9		0.2-0.3	
2	KV giữa xưởng		30.9		66.4		0.2-0.3	
Nhà máy DTY KV 2								
3	KV đầu xưởng		31.8		49.4		0.2-0.3	
4	KV giữa xưởng		31.7		48.9		0.2-0.3	
5	KV cuối xưởng		31.9		47.7		0.2-0.3	
Xưởng Winder								
6	KV đầu xưởng		29.7		54.4		0,2-0,3	
7	KV cuối xưởng		29.6		54.3		0,2-0,3	
Xưởng Spinning								
8	KV đầu xưởng		29.8		54.4		0,2-0,3	
9	KV cuối xưởng		29.7		54.3		0,2-0,3	
TỔNG CỘNG			09		09		09	

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
TRẢNG BÀNG 1,2								
	Ngoài trời		32,1		51,1		0,3-0,5	
Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng		27.9		53.4		0,2-0,3	
2	KV giữa xưởng		27.8		54.3		0,2-0,3	
Nhà máy DTY KV 2								
3	KV đầu xưởng							
4	KV giữa xưởng							
5	KV cuối xưởng							
Xưởng Winder								
6	KV đầu xưởng		29.8		52.5		0,2-0,3	
7	KV cuối xưởng		29.4		52.1		0,2-0,3	
Xưởng Spinning								
8	KV đầu xưởng		28.9		54.1		0,2-0,3	
9	KV cuối xưởng		28.7		54		0,2-0,3	
TỔNG CỘNG			06		06		06	

Vi khí hậu (tiếp theo)

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
TRẮNG BẢNG 3								
	Ngoài trời		32,1		51,1		0,3-0,5	
Nhà máy DTY KV 1								
1	KV đầu xưởng		29		68.5		0,2-0,3	
2	KV giữa xưởng		29.8		60.8		0,2-0,3	
Nhà máy DTY KV 2								
3	KV đầu xưởng							
4	KV giữa xưởng							
5	KV cuối xưởng							
Xưởng Winder								
6	KV đầu xưởng		29.5		52.0		0,2-0,3	
7	KV cuối xưởng		29.5		52.0		0,2-0,3	
Xưởng Spinning								
8	KV đầu xưởng		28.8		54.4		0,2-0,3	
9	KV cuối xưởng		28.5		54.2		0,2-0,3	
TỔNG CỘNG			06		06		06	

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS
TRẮNG BẢNG 5								
	Ngoài trời		32,1		51,1		0,3-0,5	
1	Xưởng DTY		28.9		54.1		0,2-0,3	
2	KV kiểm phẩm		27.5		69.1		0,2-0,3	
3	KV đóng gói		27.3		73.2		0,2-0,3	
4	KV thành phẩm		26.6		73		0,2-0,3	
5	KV tái chế		28.8		59.7		0,2-0,3	
TỔNG CỘNG			05		05		05	
TCVN 3733:2002								
Yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động của không khí ở vị trí làm việc			≤32		≤80		0,2-2,0	

Ánh sáng

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ỒN (dBA)		GHI CHÚ Được phép tiếp xúc ồn (8h/ngày)
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
CỦ CHI						
Nhà máy DTY KV 1						
1	KV đầu xưởng	317			94.1	
2	KV giữa xưởng	309			92.3	
3	KV cuối xưởng	303			91.7	
4	Nhà máy DTY KV 2					
5	KV đầu xưởng	318			91.3	
6	KV cuối xưởng	310			91.0	
7	Xưởng Winder					
8	KV đầu xưởng	318			98.5	
9	KV cuối xưởng	310			99.4	
10	Xưởng Spinning					
11	KV đầu xưởng	312		84.5		
12	KV cuối xưởng	325		84.8		
TỔNG CỘNG		09		02	07	

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ỒN (dBA)		GHI CHÚ Được phép tiếp xúc ồn (8h/ngày)
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
TRẢNG BÀNG 1,2						
Nhà máy DTY KV 1						
1	KV đầu xưởng					
2	KV cuối xưởng					
3	Nhà máy DTY KV 2					
4	KV đầu xưởng	318			86.4	
5	KV giữa xưởng	307			87.4	
6	KV cuối xưởng	314			86.4	
7	Xưởng Winder					
8	KV đầu xưởng	310			92.1	
9	KV cuối xưởng	308			92.0	
10	Xưởng Spinning					
11	KV đầu xưởng	312		84.2		
12	KV cuối xưởng	315		84.5		
TỔNG CỘNG		07		02	04	

Ánh sáng (tiếp theo)

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ỒN (dBA)		GHI CHÚ
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
TRẢNG BÀNG 3						
Nhà máy DTY KV 1						
1	KV đầu xưởng	303			90	
2	KV giữa xưởng	320			87.6	
3	KV cuối xưởng	310			87.3	
4	Nhà máy DTY KV 2					
5	KV đầu xưởng					
6	KV giữa xưởng					
7	KV cuối xưởng					
8	Xưởng Winder					
9	KV đầu xưởng	302			88.3	
10	KV cuối xưởng	310			86.5	
11	Xưởng Spinning					
12	KV đầu xưởng	318		84.9		
13	KV cuối xưởng	304		84.3		
14	TỔNG CỘNG	07		02	05	

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ỒN (dBA)		GHI CHÚ
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
15	TRẮNG BÀNG 5					
16	KV đầu xưởng	316			87.4	
17	KV giữa xưởng	1020		70.2		
18	KV cuối xưởng	308		62.6		
19	KV đầu xưởng	145		77.7		
20	KV cuối xưởng	312		78.5		
TỔNG CỘNG		05		04	01	
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG						
Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT						
* Tiếng ồn						
- Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy		300		≤85		8h
* Ánh sáng						
- Công nghiệp dệt						
+ Xe sợi, cuộn, đánh ống, nhuộm						

Hơi khí độc

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m ³)	Etylen (mg/m ³)
CỦ CHI			
1	Nhà máy DTY	900	
2	KV giữa xưởng Winder	828	
3	KV giữa xưởng Spinning	864	
4	KV phòng lap	1152	6.41
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm	810	17.29
TỔNG CỘNG		05	02
TRẢNG BẢNG 1,2			
1	Nhà máy DTY	864	
2	KV giữa xưởng Winder	828	
3	KV giữa xưởng Spinning	900	
4	KV phòng lap	1224	4.58
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm	1224	5.50
TỔNG CỘNG		05	02

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m ³)	Etylen (mg/m ³)
TRẢNG BẢNG 3			
1	Nhà máy DTY	792	
2	KV giữa xưởng Winder	792	
3	KV giữa xưởng Spinning	756	
4	KV phòng lap	1134	3.66
5	KV phòng nhuộm thử nghiệm	1152	3.78
TỔNG CỘNG		05	02
TRẢNG BẢNG 5			
1	KV DTY	936	
2	KV kiểm phẩm	1008	
3	KV đóng gói	864	
4	KV thành phẩm	756	
5	KV tái chế	720	
TỔNG CỘNG		05	0
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT)			
Giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc:		900	1150
- Trung bình 8 giờ (TWA)		1800	-
- Từng lần tối đa (STEL)			

Tiếng ồn

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
CỦ CHI										
Nhà máy DTY										
1	Máy 15	91.3	57	65	78	83	84	81	78	72
2	Máy 12	91.0	58	64	76	81	84	80	78	70
3	Máy 10	94.1	60	71	81	87	86	84	81	75
4	Máy 04	92.3	56	67	78	82	84	81	79	73
5	Máy 06	91.7	56	67	78	83	84	82	78	73
6	KV giữa xưởng Winder	98.5	62	74	86	90	86	85	84	75
7	KV giữa xưởng Spinning	84.5	50	60	74	78	80	78	74	66
TRẢNG BÀNG 1,2										
Nhà máy DTY										
1	Máy 26	86.4	50	62	74	79	82	79	75	68
2	Máy 27	87.4	53	63	76	79	81	80	76	69
3	Máy 28	86.4	51	62	73	78	82	77	75	67
4	Xưởng Winder	92.1	54	67	77	82	84	81	78	74
5	Xưởng Spinning	84.2	50	60	73	78	79	78	74	67
TRẢNG BÀNG 3										
Nhà máy DTY										
1	KV máy 39	90	54	64	78	82	84	80	77	70
2	KV máy 43	87.6	55	63	76	81	82	79	78	69
3	KV máy 47	87.3	53	63	75	80	82	78	76	68
4	KV giữa xưởng Winder	88.3	53	64	76	81	83	80	77	69
5	KV giữa xưởng Spinning	84.9	50	61	73	79	80	78	74	67

Tiếng ồn (tiếp theo)

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
TRẢNG BÀNG 5										
1	Xưởng DTY									
2	Máy 54	87.4	54	63	75	81	83	80	75	70
3	Máy 53	87.3	53	62	75	79	83	80	74	69
4	Máy 55	90.2	55	66	76	82	84	83	77	71
5	KV tái chế	78.5	44	56	67	71	75	72	66	59
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động QĐ 3733/2002/QĐ-BYT * Tiếng ồn - Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy										

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

STT	Yếu tố đo, kiểm tra	CỦ CHI			TRẢNG BÀNG		
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu vượt TCVSLĐ
1	Vi khí hậu						
2	Nhiệt độ	11	11	0	32	32	0
3	Độ ẩm	11	11	0	32	32	0
4	Tốc độ gió	11	11	0	32	32	0
5	Ánh sáng	11	11	0	32	32	0
6	Tiếng ồn	11	04	07	32	17	15
7	Tiếng ồn phân tích dải tần	11	04	07	25	10	15
8	Bụi toàn phần	11	11	0	25	25	0
9	Hơi khí độc						
10	- Cacbon đioxit	08	08	0	17	17	0
11	- Etylen	02	02	0	04	04	0



2021

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

giảm
carbon footprint
chống
biến đổi khí hậu